

**CTCP TÀU CAO TỐC  
SUPERDONG – KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Ngày 13 tháng 04 năm 2018**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY  
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**  
*(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGĐCK)*

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG

Mã chứng khoán : SKG

Địa chỉ trụ sở chính : số 10, đường 30/4, KP 2, Dương Đông, Phú Quốc, Kiên Giang

Điện thoại : 077 3 980 111

Fax : 077 3 846 180

Người thực hiện công bố thông tin: HÀ NGUYỆT NHI

Địa chỉ : Số 12, Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại (cơ quan): 08 38 63 63 16

Fax : 08 38 688 373

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang (SKG) công bố Báo cáo thường niên năm 2017. Chi tiết vui lòng xem tài liệu đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty (Mục quan hệ cổ đông) vào ngày 13/04/2018 tại đường dẫn <http://superdong.com.vn/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người đại diện theo pháp luật**



**HÀ NGUYỆT NHI**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG**

Số 10, Đường 30/04, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang

[www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**


**2017**

**SKG**



# MỤC LỤC

<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>1</b>
<b>TỔ CHỨC NHÂN SỰ</b>	<b>23</b>
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>37</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>49</b>



**55**                    **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**59**                    **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

**65**                    **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**75**                    **BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**



# THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro





## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên công ty</b>	:	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG</b>
<b>Tên giao dịch</b>	:	<b>SUPERDONG FAST FERRY KIEN GIANG JOINT STOCK COMPANY</b>
<b>Tên viết tắt</b>	:	<b>SUPERDONG FF (KG) JSC</b>
<b>Giấy CNDKDN số</b>	:	<b>1700556108</b> do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 07 năm 2017
<b>Vốn điều lệ</b>	:	<b>479.794.370.000 VNĐ</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	:	<b>479.794.370.000 VNĐ</b>
<b>Địa chỉ</b>	:	<b>Số 10, Đường 30/4, Khu phố 2, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang</b>
<b>Số điện thoại</b>	:	<b>(0297) 3 980 111</b>
<b>Số fax</b>	:	<b>(0297) 3 846 180</b>
<b>Website</b>	:	<b>www.superdong.com.vn</b>
<b>Email</b>	:	<b>superdong_2008@yahoo.com.vn</b>
<b>Mã cổ phiếu</b>	:	<b>SKG</b>

### **Trụ sở chính**

**Số 10, Đường 30/4, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang**

Điện thoại: 0297 3 980 111

Fax: 0297 3 846 180

### **Phòng vé Rạch Giá**

**Địa điểm 1: Số 14 Tự Do, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang**

**Địa điểm 2: Khu L4, Lô 01, Đường 3/2, Phường Vĩnh Thanh, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang**

Điện thoại: 0297 3 877 742

Fax: 0297 3 877 741

### **VPĐD tại TP.Hồ Chí Minh**

**12 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh**

Điện thoại: 028 38 666 333

Fax: 028 38 688 363

### **Phòng vé Hà Tiên**

**11 Trần Hữu, Phường Bình San, Thị xã Hà Tiên, Tỉnh Kiên Giang**

Điện thoại: 0297 3 955 933

Fax: 0297 3 955 989

### **Phòng vé Trần Đề**

**Trạm biên phòng Hải Đội 2, Đường 19/5, Ấp Cảng, Thị trấn Trần Đề, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng**

Điện thoại: 0299 3 843 888 - 0299 3 843 999

### **Phòng vé Phan Thiết**

**535 Đường Trần Hưng Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận**

Điện thoại: 0252 3 817 337 Fax: 0252 3 817 338

### **Phòng vé Côn Đảo**

**Đường Trần Phú, Thị trấn Côn Sơn, Huyện Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

Điện thoại: 0254 3 630 138 - 0254 3 630 139

Hotline xe buýt: 088 663 739

### **Phòng vé Nam Du**

**Ấp Củ Chon, Xã An Sơn, Huyện Kiên Hải, Tỉnh Kiên Giang**

Điện thoại : 0297 3777 989 – 0297 3890 389

### **Phòng vé Sóc Trăng**

**193 Lê Hồng Phong, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng**

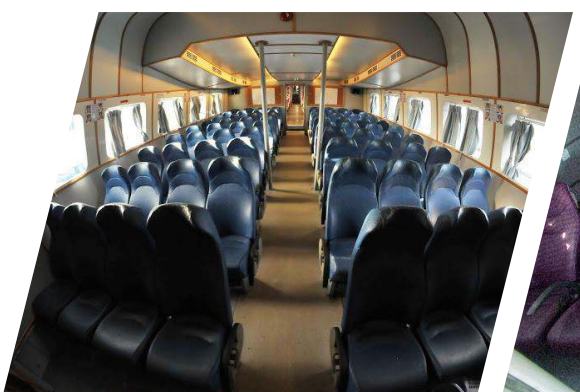
Điện thoại: 0299 3616 111

Fax: 0299 3637 888

Hotline xe buýt: 0916.294.399







SỰ LỰA CHỌN HOÀN HẢO  
[www.superdong.com.vn](http://www.superdong.com.vn)



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty TNHH Tàu cao tốc  
Superdong - Kiên Giang  
Tàu cao tốc Superdong I

Công ty cổ phần Tàu cao tốc  
Superdong - Kiên Giang  
03 Tàu, với 738 ghế,  
tăng 332% so với năm 2007.

Mở tuyến mới  
Hà Tiên – Phú Quốc  
04 tàu, với 1.044 ghế,  
tăng 41% so với năm 2010.



**2007**



**2010**



**2011**



**2018**

“Năm 2018, Công ty sẽ đưa thêm phà Superdong PII vào hoạt động tuyến Hà Tiên – Phú Quốc; đồng thời Quý II hoặc Quý III sẽ đưa vào khai thác tuyến mới Phan Thiết – Phú Quý và phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc”.

**2015**

**Mở tuyến mới**

**Rạch Giá – Nam Du**

**Cung cấp dịch vụ xe trung chuyển  
tại cảng Bãi Vòng (Phú Quốc).**

**2016**

**10 tàu, với 2.694 ghế,  
tăng 27% so với năm 2015.**

**Mở tuyến mới**

**Sóc Trăng (Bến Trần Đề) – Côn Đảo**

**Chính thức đưa vào khai thác  
tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc  
(Bến Bãi Vòng).**

**SKG niêm yết tại HoSE**

**07 tàu, với 1.869 ghế,  
tăng 79% so với năm 2011.**



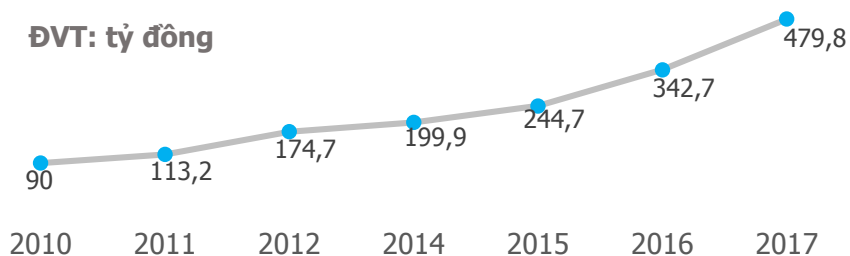
**2014**



**2015 - 2016**



**2017**



## Quá trình tăng vốn

Thời điểm	Vốn điều lệ	Hình thức
2010	90,0 tỷ	Chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang CTCP
2011	83,5 tỷ	Điều chỉnh vốn điều lệ đúng bằng số vốn thực góp
2011	108,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2010
2011	113,2 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng cổ phiếu
2012	147,2 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011
2012	171,3 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 1 bằng cổ phiếu
2012	174,7 tỷ	Tạm ứng cổ tức năm 2012 lần 2 bằng cổ phiếu
2014	199,9 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2013
2015	244,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và ESOP 2015
2016	342,7 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2015
2017	479,8 tỷ	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2016





## Thành tích đạt được trong quá trình hoạt động

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Ủy ban Nhân dân Thị xã Hà Tiên	Giấy khen Công ty đã có thành tích xuất sắc trong quá trình đầu tư xây dựng công trình nhà ga Bến tàu khách Hà Tiên	05/02/2018	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Ủy ban Nhân dân Thị xã Hà Tiên	Giấy khen Công ty đã có nhiều đóng góp trong phong trào do chính quyền địa phương phát động năm 2017	18/01/2018	Chủ tịch Nguyễn Thanh Nhân
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Tỉnh Sóc Trăng	Giấy khen Công ty đã tham gia gian hàng du lịch tại Lễ hội Oóc Om Bóc – Đua ghe Ngo Sóc Trăng lần III, khu vực ĐBSCL năm 2017	27/10/2017	Giám đốc Trần Minh Lý
Hiệp hội phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam	Bằng khen Công ty đã có đóng góp tích cực trong việc tổ chức thành công Hội nghị kết nối giao thương VACOD – Sóc Trăng & Giao lưu Doanh nhân ba miền Bắc – Trung – Nam 2017	10/10/2017	Chủ tịch TS. Nguyễn Hồng Sơn
Forbes Việt Nam	Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất năm 2017	29/05/2017	-
Hiệp hội vận tải tỉnh Kiên Giang	Giấy chứng nhận Công ty là Hội viên chính thức của Hiệp hội Vận tải Tỉnh Kiên Giang	20/03/2017	Chủ tịch Lê Việt Bắc
Hiệp hội các nhà quản trị tài chính Việt Nam (VAFE) CTCP Tài Việt (Cổng thông tin tài chính chứng khoán Vietstock.vn)	Trong chương trình Bình chọn IR (Công tác Quan hệ cổ đông) năm 2016 – IR AWARD 2016. Công ty là 1 trong số 118 Doanh nghiệp Niêm yết, tương ứng số lượng ít ỏi 18,47% đơn vị trên TTCK, đáp ứng các quy định về Công bố thông tin trong năm 2016.	09/11/2016	Tổng Thư Ký Hiệp Hội VAFE Mai Linh Da Chủ tịch CTCP Tài Việt Phạm Thị Thanh Nga

## Thành tích đạt được trong quá trình hoạt động

Nơi cấp	Nội dung	Thời gian	Người ký
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2014	21/01/2015	Giám đốc Trương Hữu Cường
Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp	Doanh nghiệp vận tải có chỉ số sinh lời tốt nhất Việt Nam của chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp 2014	10/11/2014	Viện trưởng PGS.TS Nguyễn Mạnh Quân
Sở Công thương Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích ủng hộ tiền cho người nghèo khó năm 2013	15/03/2013	Giám đốc Huỳnh Văn Gành
UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc việc nộp thuế năm 2012	08/02/2013	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Lê Văn Thi
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Kiên Giang	Đã thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2011	15/02/2012	Giám đốc Trương Hữu Cường
Chính phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam	Đã có thành tích trong công tác xã hội từ thiện từ năm 2005 đến năm 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc	26/01/2011	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng
Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ	Cúp vàng sản phẩm, dịch vụ xuất sắc lần II năm 2009	30/12/2009	Chủ tịch Hiệp hội DNVVN TS.Cao Sỹ Kiêm
UBND Tỉnh Kiên Giang	Đã có thành tích xuất sắc trong vận động, tài trợ kinh phí cho bệnh nhân và người nghèo Tỉnh Kiên Giang 5 năm (2003 – 2008)	28/11/2008	Chủ tịch UBND Tỉnh Kiên Giang Bùi Ngọc Sương





## Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa ven biển;
  - ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa đường thủy nội địa;
  - ✓ Vận tải hành khách và hàng hóa bằng đường bộ;
  - ✓ Khách sạn;
  - ✓ Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
  - ✓ Dịch vụ phục vụ đồ uống;
  - ✓ Điều hành kinh doanh tour du lịch;
  - ✓ Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.
- Nắm bắt được tiềm năng phát triển của lĩnh vực vận chuyển hành khách, hàng hóa giữa đất liền và các đảo du lịch của Việt Nam, hơn 10 năm qua Công ty luôn tập trung khai thác thế mạnh này và là đơn vị đứng đầu tại thị trường Kiên Giang. Hiện tại, đội tàu của Công ty gồm 14 tàu cao tốc và 01 phà cao tốc, hoạt động trên 04 tuyến sau:
- ✓ Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong VI, VII, VIII, IX và Phà Superdong PI;
  - ✓ Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc: Tàu cao tốc Superdong III, IV, V, X và XII;
  - ✓ Tuyến Rạch Giá – Nam Du: Tàu cao tốc Superdong I, II, XI;
  - ✓ Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo: Tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II.

Nhằm đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh, duy trì và phát triển hơn nữa kết quả hoạt động tích cực trong suốt thời gian vừa qua, Hội đồng quản trị Công ty đã trình và được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh; cụ thể:

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- ✓ Bốc xếp hàng hóa;
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- ✓ Hoạt động vui chơi giải trí khác;
- ✓ Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- ✓ Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển (Kinh doanh có điều kiện);
- ✓ Kinh doanh khai thác Cảng thủy nội địa (Kinh doanh có điều kiện);
- ✓ Kinh doanh khai thác cảng biển (Kinh doanh có điều kiện).

Năm qua, Công ty cũng đã hoàn tất các thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh với các cơ quan ban ngành có liên quan. SKG sẽ có kế hoạch khai thác cụ thể để các mảng hoạt động mới có thể đóng góp tích cực cho kết quả kinh doanh chung của toàn Công ty.

## Năng lực hoạt động của tàu Superdong

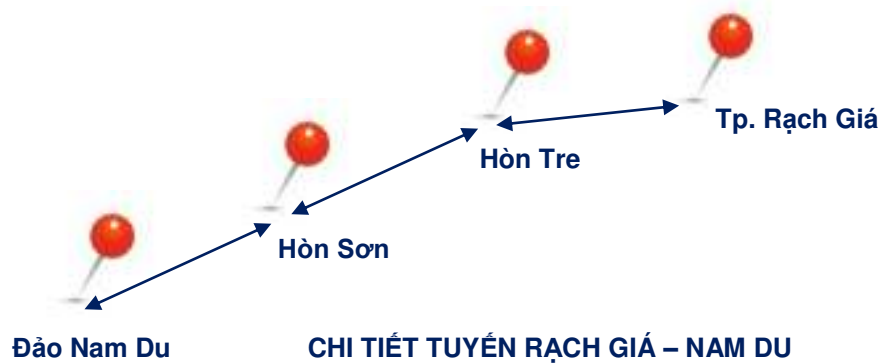
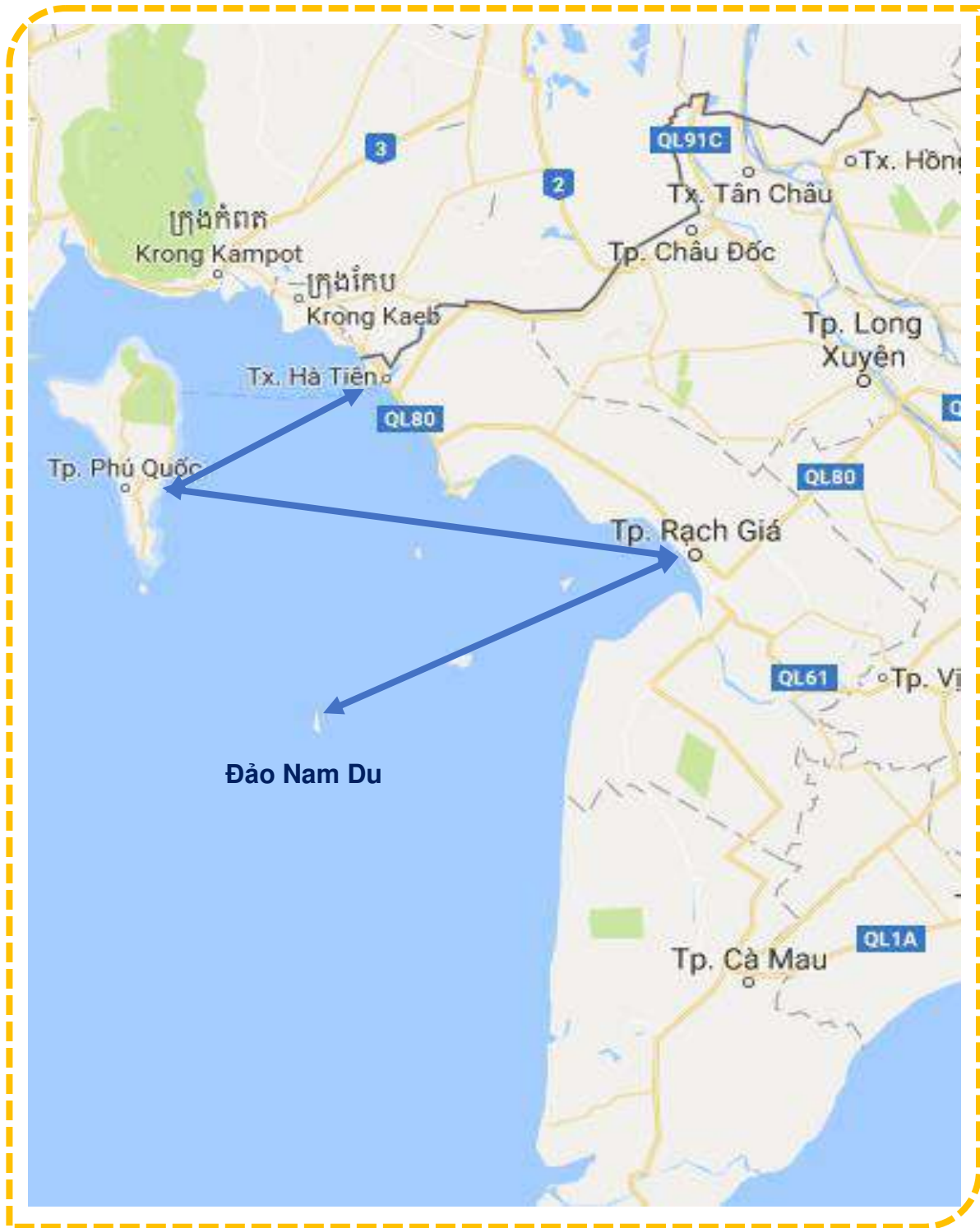
Tàu	Tổng công suất (KW)	Sức chở tối đa (hành khách)	Tốc độ (hải lý/giờ)	Số thuyền viên (người)	Thời gian chạy (h)
Tàu Superdong I	1.176	171	26	10	2,5
Tàu Superdong II	1.518	261	30	12	2,5
Tàu Superdong III	2.080	306	30	13	2,5
Tàu Superdong IV	2.080	306	30	13	2,5
Tàu Superdong V	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong VI	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong VII	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong VIII	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong IX	1.518	275	27	12	1,3
Tàu Superdong X	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong XI	1.518	275	27	12	2,5
Tàu Superdong XII	1.518	275	27	12	-
Tàu Superdong Côn Đảo I	2.080	306	27	14	2,5
Tàu Superdong Côn Đảo II	2.080	306	27	14	2,5
Phà Superdong PI	1.518	229	12	15	2,8

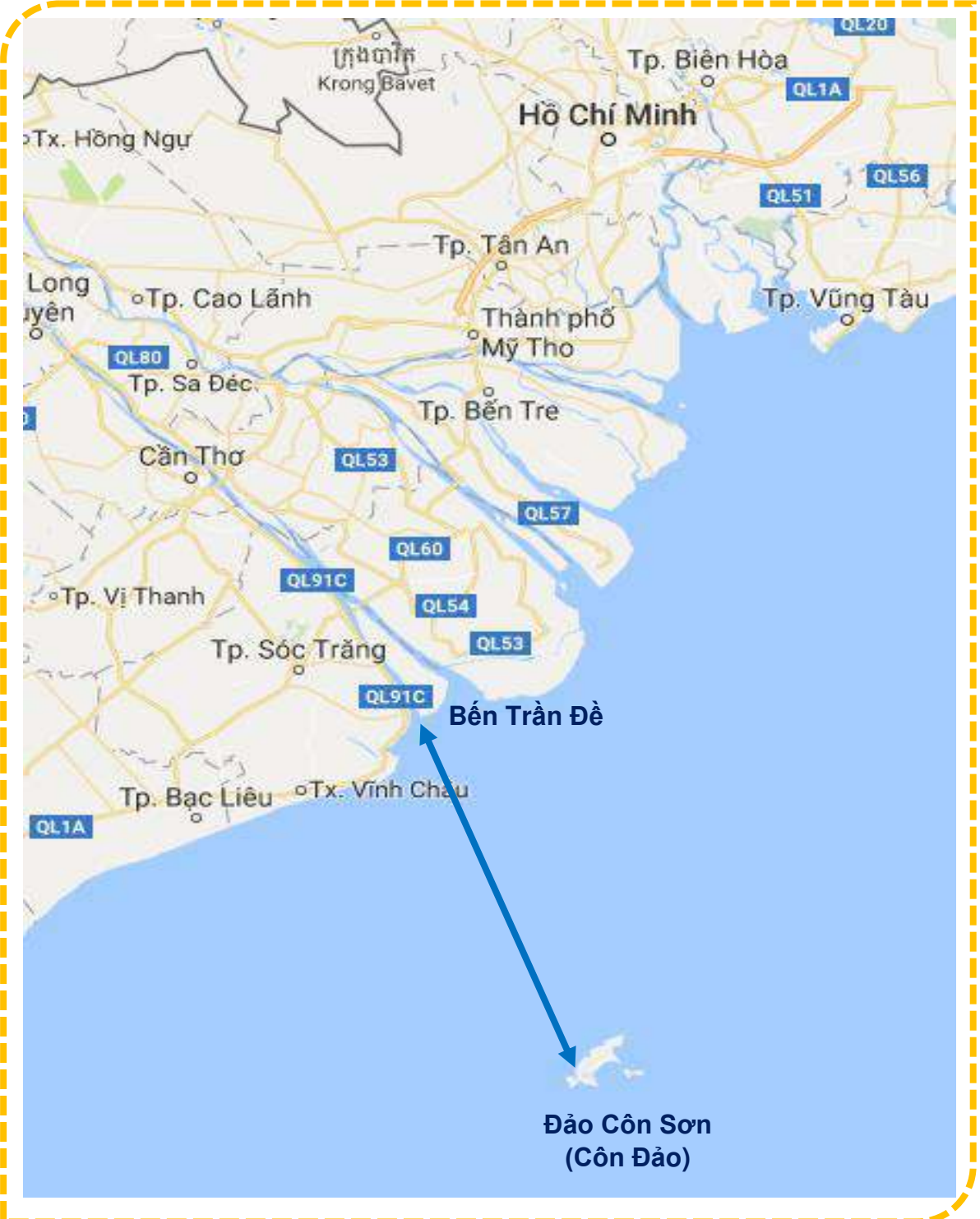
Trong thời gian tới, Công ty cũng đã lên kế hoạch đóng phà Superdong PII, dự kiến đi vào hoạt động từ Quý II năm 2018 tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và thực hiện đầu tư dự án tàu cao tốc tuyến Phan Thiết – Phú Quý, thời gian khai thác dự kiến sẽ trong năm 2018. Việc mở rộng thêm một lĩnh vực kinh doanh mới và một địa bàn kinh doanh mới sẽ là một cột mốc quan trọng trong quá trình phát triển lớn mạnh của Công ty.





## Các tuyến tàu của Công ty







# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

## Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

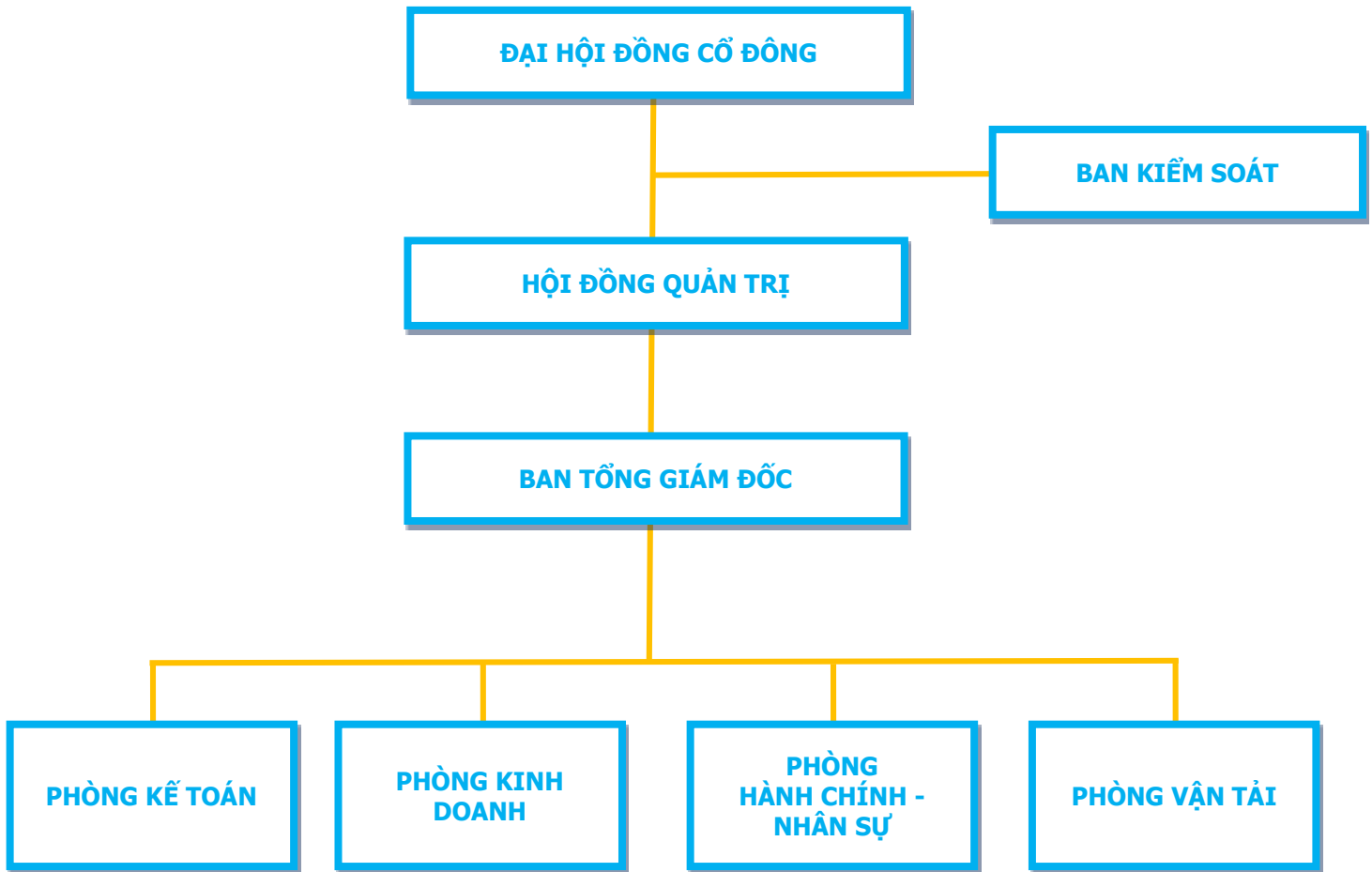
- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Khối chuyên môn nghiệp vụ: Khối Kế toán, Khối Kinh doanh, Khối Hành chính - Nhân sự, Khối Vận tải.

Công ty dự định sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 thông qua việc sẽ chuyển mô hình quản trị từ Mô hình có Ban kiểm soát sang Mô hình có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT và không có Ban kiểm soát để thực hiện đúng hơn tính chất về chức năng của các nhân sự tại Ban kiểm soát hiện nay; qua đó, góp phần tăng cường tính hiệu quả của việc giám sát các hoạt động của Công ty.

## Cơ cấu tổ chức

Hiện nay, Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang có cơ cấu tổ chức bao gồm 01 Trụ sở chính hoạt động tại Phú Quốc, 03 chi nhánh tại Sóc Trăng, Côn Đảo và Phú Quý, 01 văn phòng đại diện tại Tp.Hồ Chí Minh và một số phòng vé tại các tuyến tàu khai thác. Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

## Cơ cấu bộ máy quản lý





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Nhu cầu di chuyển là một trong ba nhu cầu thiết yếu, cơ bản nhất của con người đó là “ăn - ở - di chuyển”; ngày nay, khi xã hội đã phát triển tới một trình độ nhất định thì các nhu cầu này cũng được nâng lên tầm cao hơn, di chuyển không chỉ dừng lại ở việc đáp ứng nhu cầu kiếm sống, mà còn đáp ứng cả nhu cầu hưởng thụ của con người. Giao thông giữa đất liền và các đảo du lịch thể hiện rõ nhất điều này; đây cũng chính là mục tiêu, đối tượng chính mà Công ty nhắm tới.

Công ty luôn cải tiến từng ngày nhằm mang lại cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ tốt nhất, qua đó củng cố vị trí dẫn đầu trên thị trường nhằm mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất, góp phần phát triển ngành vận tải đường thủy, tăng nguồn thu cho ngân sách và tạo nhiều công ăn việc làm cho lao động địa phương.

Hơn 10 năm qua, Công ty đã đầu tư được đội tàu cao tốc hiện đại cùng đội ngũ nhân viên đầy kinh nghiệm, làm việc chuyên nghiệp và nghiêm túc, mạng lưới phân phối rộng rãi nhằm xây dựng, củng cố thêm thương hiệu Superdong, cam kết cung cấp cho khách hàng giá trị cốt lõi gồm: “AN TOÀN - ỔN ĐỊNH – ĐÚNG GIỜ - THOẢI MÁI – TIỆN LỢI – DỊCH VỤ ĐA DẠNG – GIÁ CẢ HỢP LÝ”.

Nhằm đa dạng hóa loại hình kinh doanh, đa dạng hóa nhu cầu cho khách hàng, đến nay, Công ty đã có 14 tàu cao tốc và 01 phà chuyên chở hành khách, phương tiện vận tải, hàng hóa từ đất liền tới Phú Quốc, Nam Du và Côn Đảo; các dịch vụ đi kèm như xe trung chuyển, dịch vụ ăn uống nhanh cũng được triển khai để tối ưu hóa tiện ích cho khách hàng.

### Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

#### Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

Vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng luôn được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty quan tâm, chấp hành bằng những hành động thiết thực.

Chính sách bảo hiểm, chế độ phúc lợi cho cán bộ công nhân viên Công ty luôn được đảm bảo, người lao động được làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, cạnh tranh và công bằng.

#### Cam kết

Công ty sẽ chủ động tham gia vào các chương trình có ý nghĩa tích cực với môi trường, xã hội và cộng đồng như: ủng hộ bệnh nhân nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào chịu lũ lụt, thiên tai, ủng hộ hội khuyến học, ủng hộ xây dựng cầu – đường – trường – trạm,... Và hơn hết là, đảm bảo chính sách lao động thỏa đáng nhằm khuyến khích phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, từ đó nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực kinh doanh chính là vận tải hành khách, hàng hóa bằng tàu cao tốc và phà, đưa SKG trở thành một trong những công ty vận tải bằng đường thủy theo tuyến cố định có chất lượng tốt nhất, tạo dựng uy tín và niềm tin trong lòng khách hàng.

Trong trung hạn và dài hạn, với xu hướng phát triển du lịch biển đảo, Công ty nhận định nhu cầu vận chuyển bằng đường thủy tại các địa phương trong nước, xa hơn là với các nước lân cận trong khu vực là một thị trường rộng lớn và tiềm năng chưa được khai thác đúng mức; do đó, Công ty luôn chủ động tìm hiểu, khảo sát, đánh giá các thị trường tiềm năng nhằm tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động.

Thực thi chiến lược nêu trên, sau 03 năm tích cực chuẩn bị, Công ty đã mở rộng thêm loại hình dịch vụ và địa bàn kinh doanh mới trong nửa cuối của năm 2017, gồm:

- ✓ Triển khai mô hình phà chuyên chở hành khách, hàng hóa và các phương tiện vận tải như xe máy, xe tải, xe hơi từ 04 - 50 chỗ;
- ✓ Triển khai dự án “Tàu cao tốc vận chuyển hành khách và hàng hóa tuyến Côn Đảo – Sóc Trăng”.

Năm 2018, Công ty dự kiến sẽ đưa vào khai thác tiếp phà Superdong PII tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, đồng thời tiếp tục mở rộng địa bàn kinh doanh và loại hình dịch vụ mới như mở thêm tuyến mới Phan Thiết – Phú Quý, đồng thời mở thêm dịch vụ phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc.

Lĩnh vực kinh doanh cốt lõi cần được củng cố bởi các lĩnh vực phụ trợ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng cũng như tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty; do đó, trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện đầu tư thí điểm các loại hình kinh doanh phụ trợ như: xây dựng khu cầu cảng phức hợp với các dịch vụ ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú, giải trí,...và dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển. Theo đó, năm 2018, Công ty sẽ hoàn thành giai đoạn 01 bến cảng Trần Đề (Sóc Trăng) để đưa vào phục vụ hành khách đi tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo; đồng thời, triển khai dự án khách sạn tại Côn Đảo, khu vực hậu cần cảng tại Hà Tiên.





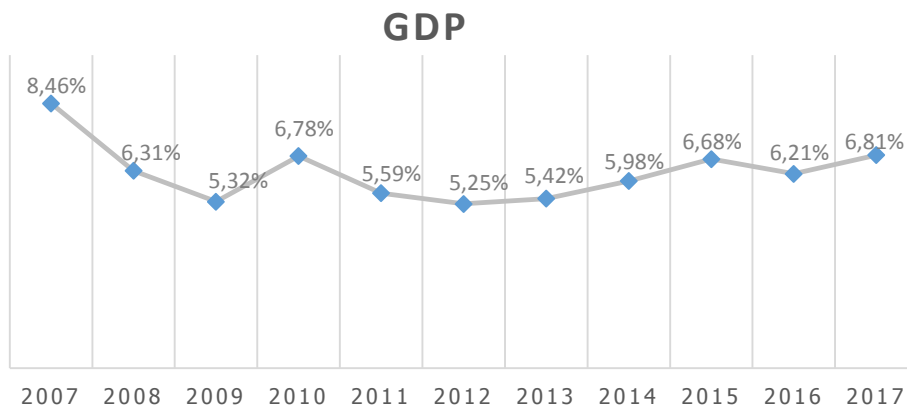
## CÁC RỦI RO

### Rủi ro kinh tế

Hòa chung không khí tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ và các nước phát triển, kinh tế Việt Nam trong năm qua thực sự là điểm sáng đáng chú ý tại khu vực và thế giới khi đã có sự dịch chuyển tích cực theo hướng tăng tỷ trọng đóng góp của các ngành có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao với sự đóng góp ngày càng tăng của công nghiệp chế biến chế tạo. Tăng trưởng GDP năm 2017 cao hơn năm 2016 nhờ sự cải thiện ở cả tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế đạt mức 6,8% vượt mục tiêu 6,7% Quốc Hội đề ra từ đầu năm, đây cũng là mức tăng cao trong suốt những năm qua.

Năm 2017, nước ta tiếp tục thành công trong việc kiểm soát lạm phát. Theo đó, lạm phát có sự sụt giảm so với năm trước do giá dịch vụ y tế và giáo dục tăng chậm hơn, trong khi giá thực phẩm giảm. Giá dầu năm 2017 tăng 24% so với năm 2016, góp phần làm cho giá nhóm giao thông tăng khoảng 5% so với năm trước, đóng góp làm CPI tổng thể tăng thêm khoảng 0,75 điểm. Bước sang năm 2018, giá dầu bình quân được dự báo chỉ tăng nhẹ khoảng 6% so với năm 2017, điều này sẽ không gây nhiều áp lực đến lạm phát nhưng cũng sẽ tiếp tục tác động đến chi phí đầu vào của Công ty.

Có thể thấy, sự ổn định của nền kinh tế xã hội là một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nói chung và SKG nói riêng phát triển vững mạnh. Tình hình kinh tế năm 2018 tiếp tục được dự đoán có nhiều thuận lợi khi tiếp nối thành công năm cũ và nhờ sự thay đổi mạnh mẽ của hành lang pháp lý, cải cách cơ cấu kinh tế cùng với sự tăng trưởng cao của ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch sẽ tạo tiền đề tích cực cho kinh tế Việt Nam trong những năm tới đây.



*Nguồn: Dữ liệu được tổng hợp từ website Tổng cục Thống kê*

Hoạt động chính của SKG hiện nay là vận tải hành khách, phương tiện vận tải và hàng hóa bằng đường thủy, tập trung tại khu vực tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là đảo Phú Quốc. Vì thế nhu cầu đi lại của nhân dân địa phương và khách du lịch sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Khi kinh tế tăng trưởng, đời sống xã hội được nâng cao và ổn định, kéo theo nhu cầu du lịch gia tăng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển. Ngoài ra, nhờ hưởng lợi từ nhiều chính sách ưu đãi từ Chính phủ, phát triển du lịch biển đảo đang dần hình thành, phát triển và tạo thành hướng đi mới bền vững trong tương lai, từ đó góp phần giảm thiểu rủi ro cho Công ty khi kinh tế thế giới đi vào thời kỳ khó khăn.





### **Rủi ro pháp luật**

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở GDCK Tp.Hồ Chí Minh nên hoạt động của SKG chịu nhiều tác động từ các văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán, các Nghị định, thông tư liên quan về hoạt động công bố thông tin,... Ngoài ra, với ngành nghề chính là hoạt động vận tải đường thủy, Công ty còn chịu sự chi phối bởi các văn bản luật chuyên ngành có liên quan. Trong những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật có sự thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra trong nền kinh tế hiện nay. Mỗi sự thay đổi đều hàm chứa cơ hội và thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Với mỗi văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh được sửa đổi, Công ty đều nghiên cứu kỹ lưỡng, thực hiện rà soát quy trình hoạt động nhằm đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. SKG cam kết luôn tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của mình.

### **Rủi ro nhân sự**

Nhân sự là yếu tố luôn được Công ty chú trọng nhằm duy trì sự ổn định và phát triển qua thời gian, từ đó đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh theo cả chiều rộng và chiều sâu. Đặc thù của ngành đòi hỏi lực lượng nhân sự của Công ty không những có tay nghề tốt mà còn phải thực sự có tâm huyết để phục vụ và đảm bảo cho sự an toàn cho hành khách, phương tiện và hàng hóa khi khách hàng đã lựa chọn dịch vụ do Công ty cung cấp. Chính vì thế, ngoài yếu tố chuyên môn, các yêu cầu bắt buộc về an toàn vận tải biển, cứu sinh, xử lý sự cố trên biển thì kỹ năng chăm sóc khách hàng luôn được Công ty quan tâm để trao dồi thường xuyên cho các cấp nhân viên với hi vọng tạo được hiệu quả đồng bộ trong quá trình hoạt động.

Để nâng cao kỹ năng cũng như tạo sự gắn kết với người lao động, Công ty luôn tuân thủ việc thực hiện những thỏa ước lao động chính đáng, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định pháp luật và các đãi ngộ khác theo chính sách riêng của Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo và huấn luyện nhằm nâng cao trình độ nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ nhân viên.

### **Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào**

Nguyên liệu chính để vận hành các phương tiện vận tải của Công ty là dầu DO, chiếm khoảng 50% giá vốn hàng bán của SKG; vì thế, khi giá cả của loại dầu này biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của Công ty. Năm 2017, giá dầu thô đã có sự phục hồi và cải thiện khi lần đầu tiên trong 2,5 năm qua, giá dầu thô tại Mỹ đã tăng lên hơn mức 60 USD/thùng, điều này đã làm tăng chi phí giá vốn hoạt động trong năm. Suốt thời gian qua, SKG đã ký nhiều hợp đồng mua hàng với các đối tác cung cấp có quy mô lớn và uy tín tại địa phương; tuy nhiên, trong thời gian tới nếu diễn biến giá dầu tiếp tục biến động cũng sẽ có tác động ít nhiều tới hoạt động của Công ty. Về dài hạn, SKG vẫn có các phương án dự phòng để hạn chế rủi ro biến động giá dầu làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### Rủi ro phương tiện thay thế

Hiện nay, di chuyển bằng máy bay đã trở thành phương thức di chuyển phổ biến để kết nối Phú Quốc với du khách trên toàn quốc, thậm chí là các quốc gia lân cận nhằm tiết kiệm thời gian di chuyển.

Tuy nhiên, đối tượng khách hàng chủ yếu của Công ty bao gồm: (1) dân cư tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, (2) người lao động tại các đảo Phú Quốc, Nam Du, Côn Đảo, (3) hành khách đi du lịch theo hành trình từ Đồng bằng sông Cửu Long hoặc Campuchia tới các đảo trên; vì vậy, sự phát triển của hàng không sẽ góp phần gia tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ vận chuyển của SKG khi Công ty sẽ trở thành kênh trung chuyển cho các hãng hàng không.

Công ty vẫn tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các công ty du lịch để trở thành một đầu mối vận chuyển hành khách trong các tour, đồng thời mở rộng các dịch vụ tiện ích trên tàu để hành khách thoải mái tận hưởng và thư giãn, cũng như phục vụ thêm các dịch vụ có liên quan như xe trung chuyển, dịch vụ lưu trú nhằm mang tới sự tiện lợi cho khách hàng. Công ty tin tưởng vào các thế mạnh của mình nhưng cũng không chủ quan trước những thay đổi trong môi trường hoạt động.

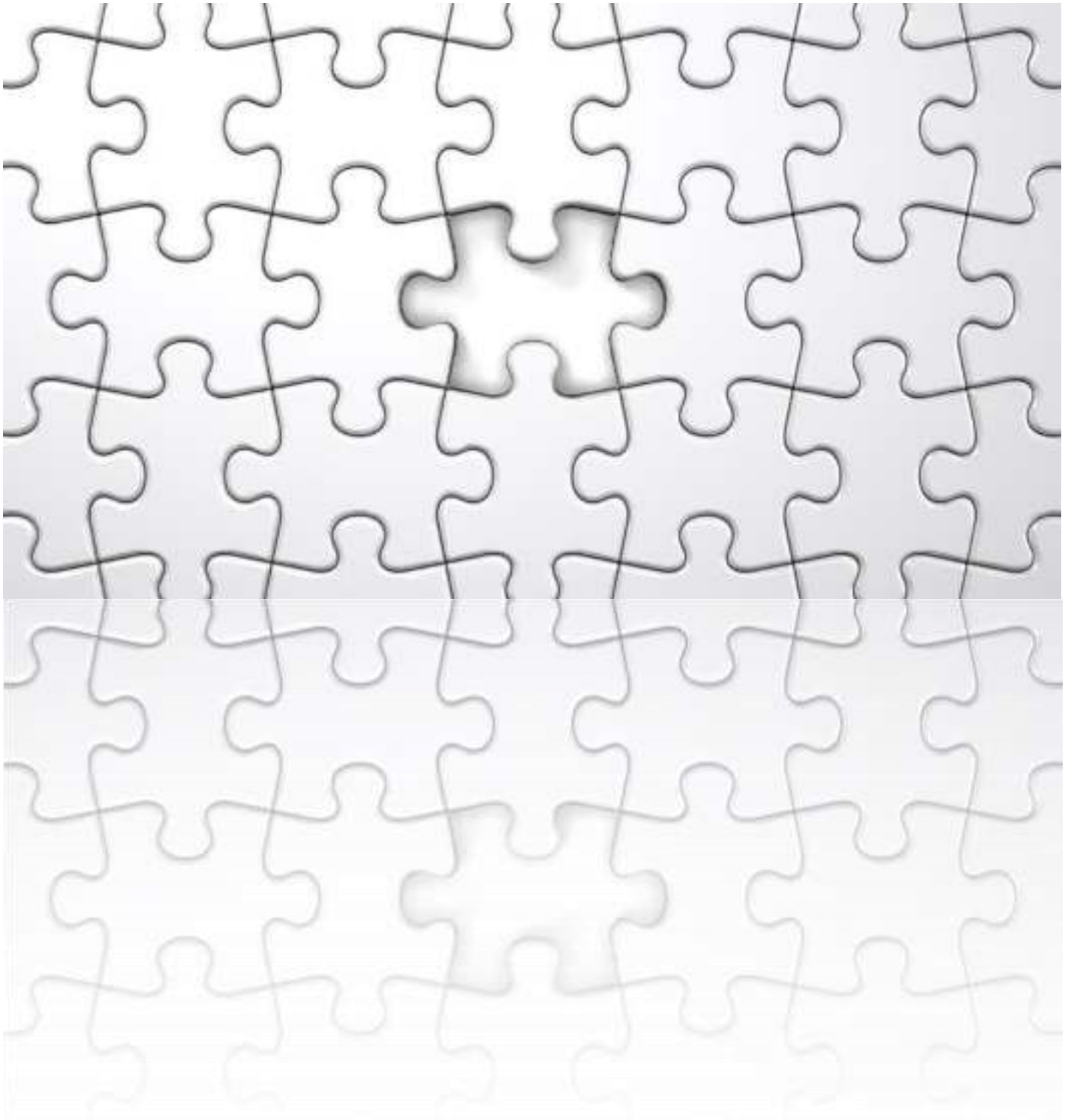
### Rủi ro môi trường

Khi thời tiết có những diễn biến thất thường, không đạt điều kiện cho phép để di chuyển, các phương tiện sẽ không rời bến nhằm đảm bảo an toàn cho hành khách, thủy thủ đoàn, tài sản của khách hàng và Công ty. Có thể thấy, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự ảnh hưởng nhiều từ những thay đổi của môi trường và khí hậu tại địa bàn hoạt động. Chính vì thế, SKG luôn chủ động nắm bắt tốt tình hình thời tiết, khí hậu hàng ngày để có sự sắp xếp lịch trình hợp lý, khoa học, an toàn.

Biến đổi khí hậu toàn cầu đang là vấn đề cần được quan tâm và chung tay giải quyết để giảm thiểu những ảnh hưởng xấu tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, tới sức khỏe con người và môi trường sống của chúng ta. Góp phần chung tay hành động vì môi trường, SKG đã có các biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu tối đa sự ảnh hưởng của mình đến môi trường biển như áp dụng, tích hợp công nghệ tiên tiến cho các tàu Superdong để tiết kiệm nguyên liệu và thải khí carbon vào môi trường tự nhiên, hướng dẫn khách hàng tuân thủ quy định không xả rác xuống biển trong quá trình vận tải, cắt giảm những yếu tố tiêu tốn năng lượng không cần thiết tại khối văn phòng...

### Rủi ro khác

Trong quá trình hoạt động, các rủi ro khác như hỏa hoạn, thiên tai, các tai nạn đường thủy,... có thể phát sinh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, SKG luôn cố gắng tuân thủ đúng các quy định trong lĩnh vực vận tải hàng hải, trang bị áo phao, thiết bị cứu hộ, mua bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- Ban Điều hành Công ty
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Những thay đổi trong Ban Điều hành
- Tình hình nhân sự và Chính sách đối với người lao động



## BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Hải Anh	Kế toán trưởng



Ông **Puan Kwong Siing**  
**Thành viên HĐQT kiêm TGD**

<b>Năm sinh</b>	1965
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Có kinh nghiệm nhiều năm về điều hành và quản trị doanh nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>	
1987 – 1989	Thủy thủ Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD
1994 – 1999	Giám sát viên Công ty Jana Seribu Shipbuilding SDN.BHD
1990 đến 05/2014	Giám đốc Công ty Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD và Trillion Leader SDN.BHD
1990 đến nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: – Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; – Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; – Trillion Leader SDN.BHD.
2008 – 2009	Cố vấn Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
2010 đến nay	– Tổng giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang – TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty: – Sin Hwa Hin Shipping SDN.BHD; – Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD; – Trillion Leader SDN.BHD.
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	8.732.392 cổ phần chiếm tỷ lệ 18,20% VDL



Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

<b>Năm sinh</b>	1979
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Quản trị kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	
2001 - 2007	Quản lý sản xuất tại Công ty Lead Well Industrial Việt Nam
2008 - 2010	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty TNHH Quốc tế Hân Hoan
2011 đến 05/2016	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
06/2016 đến nay	Phó TGD Công ty CP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Không
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	25.077 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,05% VDL



Bà **Lưu Hải Anh**  
**Kế toán trưởng**

<b>Năm sinh</b>	1975
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Cử nhân Kế toán - Tài chính;</li><li>– Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Kế toán trưởng.</li></ul>
<b>Quá trình công tác</b>	
1997 – 1998	Công ty TNHH Hoàng Phương
1998 – 2005	Công ty TNHH Hợp Phước
2006 – 2007	Công ty Cổ phần Saigonpart
2008 – 2009	Công ty Cổ phần Emteck
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Không
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	3.081 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,01% VDL



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Quách Hồng	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên HĐQT kiêm TGD
Ông Ting Chek Hua (*)	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Puan Chiong	Thành viên HĐQT không điều hành
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên HĐQT độc lập
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên HĐQT không điều hành

(\*) Ông Ting Chek Hua đã gửi đơn từ nhiệm đến Công ty và được HĐQT thông qua. Quyết định có hiệu lực từ 16/01/2018.



Bà Hà Nguyệt Nhi

Chủ tịch Hội đồng quản trị

### Năm sinh

1981

### Trình độ chuyên môn

- Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp;
- Kế toán doanh nghiệp thực hành do Viện quản trị doanh nghiệp cấp ngày 14/02/2004.

### Quá trình công tác

2003 – 2007

Nhân viên Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang

2008 – 2009

Phó Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

2010 – 2011

Trợ lý Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

04/2011 đến 04/2014

Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

2012 - 04/2014

Giám đốc Hành Chính – Nhân sự CTCP Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang

04/2014 đến nay

Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang

### Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác

Không

### Số lượng CP nắm giữ

1.294.218 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,70% VDL



Bà **Quách Hồng**

**TV HĐQT không Điều hành**

<b>Năm sinh</b>	1960
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>— Có kinh nghiệm nhiều năm về quản lý và điều hành doanh nghiệp;</li><li>— Quản trị Doanh nghiệp cao cấp do Viện Quản trị Doanh nghiệp cấp ngày 20/04/1998;</li><li>— Đắc nhân tâm trong lãnh đạo hiện đại do Trường Doanh nhân Đắc nhân tâm – Dale Carnegie Vietnam cấp ngày 20/11/2009.</li></ul>

**Quá trình công tác**

1987 – 1993	Kinh doanh
1994 – 1996	Mở cơ sở may mặc xuất khẩu
1997 – 2001	Tổng vụ Công ty Cổ phần Shingmaou Paint
2002 – 2007	Giám đốc Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2007 – 2009	Giám đốc Công ty TNHH Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang
08/2008 – 06/2015	Giám đốc Công ty cổ phần Đại Dương Xanh Phú Quốc
06/2011 – 03/2015	Giám đốc Công ty cổ phần Quang Phương Thịnh
2010 - 04/2014	Chủ tịch HĐQT CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
04/2014 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Tàu Cao Tốc Superdong – Kiên Giang
03/2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quang Phương Thịnh
06/2016 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần Đại Dương Xanh Phú Quốc

<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>— Giám đốc CTCP Đại Dương Xanh Phú Quốc;</li><li>— Chủ tịch HĐQT CTCP Quang Phương Thịnh.</li></ul>
--	---

<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	3.287.690 cổ phần chiếm tỷ lệ 6,85% VDL
----------------------------	---





Ông **Ting Chek Hua**  
TV HĐQT không Điều hành

<b>Năm sinh</b>	1965
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Khoa học chuyên ngành Kế toán và Máy tính do Đại học La Trobe, Victoria, Australia cấp năm 1990
<b>Quá trình công tác</b>	
1991 - 1992	Nhân viên Ngân hàng Hock Hua BHD
1992 - 1998	Môi giới cho Sarawak Securities S/B
1999 - 2002	Thương nhân
22/06/2002 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Trillion Leader S/B
2010 - 07/2015	Phó Tổng Giám đốc CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
2010 - 15/01/2018	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Thành viên HĐQT Công ty Trillion Leader S/B
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0% VDL (Tính đến 31/12/2017)



Ông **Puan Chiong**  
TV HĐQT không Điều hành

<b>Năm sinh</b>	1964
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Có kinh nghiệm nhiều năm trong việc điều hành và quản trị doanh nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>	
1989 - 1990	Trưởng phòng Marketing Công ty Sin Hwa Hin Enterprise
1990 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Sin Hwa Hin Enterprise SDN.BHD
2007 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD
2009 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Tien Grow Industrial SDN.BHD
2010 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
	Thành viên Hội đồng quản trị :
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>— Công ty Sin Hwa Hin Enterprise SDN.BHD;</li> <li>— Công ty Kaibuok Shipyard (M) SDN.BHD;</li> <li>— Công ty Tien Grow Industrial SDN.BHD.</li> </ul>
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	2.329.603 cổ phần chiếm tỷ lệ 4,86% VDL



Bà **Nguyễn Thị Hoa Lệ**  
TV HĐQT không Điều hành

<b>Năm sinh</b>	1957
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Cử nhân Sử;</li><li>– Cử nhân Ngoại ngữ;</li><li>– Cao cấp chính trị;</li><li>– Quản lý kinh tế.</li></ul>
<b>Quá trình công tác</b>	
1975 – 1987	Công tác tại Sở Văn hóa Thông tin TP.HCM
1988 – 2012	<ul style="list-style-type: none"><li>– Phó chủ tịch Hiệp hội Du lịch Việt Nam;</li><li>– Phó chủ tịch Hiệp hội Du lịch TP.HCM;</li><li>– Ủy viên thường vụ Hiệp hội Công thương TP.HCM;</li><li>– Ủy viên Ban chấp hành, Ủy viên Đoàn chủ tịch Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ VN khóa 7, 8, 9, 10, 11;</li><li>– Giám đốc Công ty Du lịch Hòa Bình.</li></ul>
2004 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Du lịch Thương mại Hòa Giang
2008 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc Hòa Bình
2012 đến nay	<ul style="list-style-type: none"><li>– Chủ tịch HĐQT - TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;</li><li>– TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang;</li><li>– Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hòa Bình - Phú Quốc.</li></ul>
2014 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Giang Phú Quốc
2016 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty khác</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam;</li><li>– Chủ tịch HĐQT CTCP Địa ốc Hòa Bình;</li><li>– Chủ tịch HĐQT CTCP Du Lịch Thương mại Hòa Giang;</li><li>– Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình - Phú Quốc;</li><li>– Chủ tịch HĐQT CTCP Hoà Giang Phú Quốc;</li><li>– Chủ tịch HĐQT CTCP Hòa Bình – Hàm Ninh.</li></ul>
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1.CP sở hữu: 484.855 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,01% VDL</li><li>2.CP đại diện: 1.564.714 cổ phần chiếm tỷ lệ 3,26% VDL</li></ol>



Ông **Lê Vũ Nam**  
TV HĐQT độc lập

<b>Năm sinh</b>	1969
<b>Trình độ chuyên môn</b>	PGS.TS Luật Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
2000 - 2006	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, nay là Sở GDCK TP.HCM
2006 - 2010	Khoa Kinh tế - Đại học Quốc gia TP.HCM
2010 đến nay	Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM
04/2013 đến nay	TV HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ HOASENGROUP
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	19.600 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,04% VDL



Bà **Đặng Thị Ngọc Bích**  
TV HĐQT không Điều hành

<b>Năm sinh</b>	1970
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực điều hành phòng kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>	
1995 - 2002	Nhân viên Công ty TNHH SX - DV - TM Ngọc Ánh
2003 - 2007	Nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Tàu cao tốc Kiên Giang
2010 - 09/2013	Trưởng phòng kinh doanh CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
2011 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Không
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	45.766 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,10% VDL



## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát	Chức Vụ
Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng Ban
Ông Lương Văn Hồng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên



Ông **Trương Hữu Lộc**  
**Trưởng Ban Kiểm soát**

<b>Năm sinh</b>	1978
<b>Trình độ chuyên môn</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính Doanh nghiệp;</li><li>– Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Kế toán trưởng.</li></ul>
<b>Quá trình công tác</b>	
2002	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Chihsin Industrial Việt Nam
2003 - 2005	Kế toán trưởng Công ty TNHH U-Ton Việt Nam
2006 - 2008	Kế toán trưởng Công ty TNHH Công nghiệp ZuHow Việt Nam
2009 - 2011	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Đăng Trường
2012 đến nay	Phó giám đốc Công ty TNHH Thương mại Trường Lợi
2010 đến 04/2013	Thành viên BKS CTCP tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
05/2013 - đến nay	Trưởng BKS CTCP tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Phó Giám đốc Công ty TNHH Thương mại Trường Lợi
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	10.976 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02% VDL



Ông **Lượng Văn Hồng**  
Thành viên Ban Kiểm soát

<b>Năm sinh</b>	1971
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Luật sư
<b>Quá trình công tác</b>	
1997 - 2007	Chuyên viên tư vấn pháp luật Tổng đài 1088 trực thuộc Bưu điện TP.HCM
2007 đến nay	Luật sư của Văn phòng luật sư Linh Đan
2010 – nay	Thành viên BKS CTCP Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>– Đảng ủy viên - Đảng ủy Đoàn Luật sư Tp.Hồ Chí Minh;</li><li>– Luật sư của Văn phòng luật sư Linh Đan.</li></ul>
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	161 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,00% VDL



Bà **Nguyễn Thị Ngọc Nhung**  
Thành viên Ban Kiểm soát

<b>Năm sinh</b>	1986
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sỹ Luật Kinh tế
<b>Quá trình công tác</b>	
2010 đến nay	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang
<b>Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác</b>	Không
<b>Số lượng CP nắm giữ</b>	11.246 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,02% VDL



## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Ông Tìng Chek Hua đã gửi đơn từ nhiệm đến Công ty và được HĐQT thông qua. Quyết định có hiệu lực từ 16/01/2018.

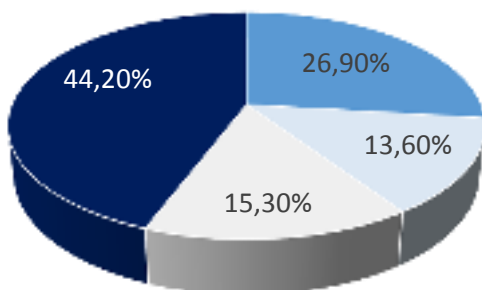


## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự tính đến thời điểm 31/12/2017

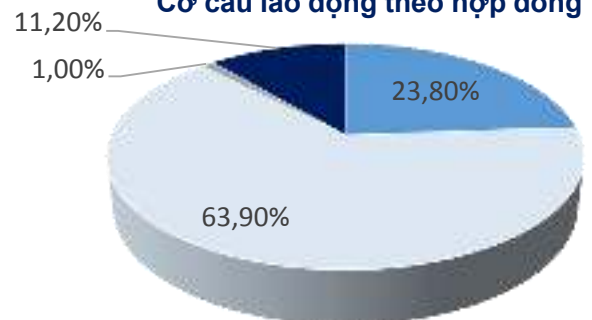
STT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	294	100%
1	Trình độ cao đẳng, đại học, trên đại học	79	26,9%
2	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	40	13,6%
3	Trình độ sơ cấp chuyên nghiệp	45	15,3%
4	Trình độ lao động phổ thông	130	44,2%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	294	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	70	23,8%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	188	63,9%
3	Hợp đồng thời vụ	3	1,0%
4	Hợp đồng thử việc	33	11,2%

Cơ cấu lao động theo trình độ



- Cao đẳng, Đại học, Trên Đại học
- Trung cấp
- Sơ cấp chuyên nghiệp
- Lao động phổ thông

Cơ cấu lao động theo hợp đồng



- Hợp đồng không thời hạn
- Hợp đồng từ 1 - 3 năm
- Hợp đồng thời vụ
- Hợp đồng thử việc

## Đánh giá chất lượng nguồn lao động

Thời gian qua, để đáp ứng sự phát triển không ngừng của Công ty, lực lượng lao động của Công ty đã được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự trong tình hình mới. Công ty rất chú trọng đào tạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động được tạo điều kiện nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ và các kỹ năng bổ trợ khác... Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên có tuổi đời bình quân trẻ, được đào tạo chính quy, bài bản về các lĩnh vực chuyên môn, có kiến thức về kinh tế thị trường tương đối toàn diện, có khả năng thích nghi nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại và mang tính hội nhập cao.

## Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của pháp luật lao động. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo số tháng thực tế làm việc, mỗi tháng làm việc sẽ tương ứng với 01 ngày nghỉ phép. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty, nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép theo quy định của Luật Lao động.

Công ty thanh toán chế độ lương, ốm, thai sản theo pháp luật về lao động và Bảo hiểm xã hội.

## Đào tạo

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ nghiệp vụ cho người lao động thông qua việc tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành phù hợp với trình độ, năng lực, vị trí công tác hiện tại, cũng như định hướng phát triển tương lai của Công ty. Trong năm 2017, đã có tổng cộng 17 nhân viên được tham gia học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, từ đó được bố trí đảm nhiệm các vị trí công tác cao hơn cùng với mức thu nhập mới xứng đáng với năng lực của từng nhân viên.

Tháng 03 năm 2017, Công ty phối hợp với Trường Văn hóa nghệ thuật Kiên Giang tổ chức lớp bồi dưỡng tiếng Anh cho toàn thể cán bộ, nhân viên thuộc khối lao động trực tiếp tại Hà Tiên, Phú Quốc, Rạch Giá với thời lượng 6 tháng (03 buổi/tuần, 03 giờ/buổi). Lớp học giúp nhân viên nâng cao khả năng giao tiếp với khách nước ngoài, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty.

Kế hoạch 2018, để củng cố và hoàn thiện quy trình phục vụ khách hàng, Công ty sẽ tiếp tục tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng vi tính, Anh văn giao tiếp cho nhân viên khối lao động trực tiếp.

## Điều kiện làm việc

Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho người lao động gồm 03 bộ đồng phục/năm/người, được đào tạo về an toàn lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho tất cả người lao động.



## Chính sách lương

Công ty xây dựng chính sách lương cạnh tranh, phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người.

Năm	Lương bình quân	Tỉ lệ tăng (%)	Giải trình
2010	7.752.000	+92,4%	Tăng cao do tuyển dụng nhiều nhân viên ở cấp bậc quản lý.
2011	9.596.000	+23,8%	Tăng cao do tuyển dụng nhân sự chủ chốt mới.
2012	9.509.000	-0,9%	Thực tế, tỉ lệ tăng lương từ 3 – 40% tùy từng công việc, tuy nhiên do thường xuyên nhập khẩu tàu mới nên Công ty phải tuyển mới lao động liên tục. Nhân viên mới có mức lương thấp
2013	9.083.000	-4,8%	nên ảnh hưởng đến lương bình quân chung toàn Công ty.
2014	8.084.000	-11,0%	
2015	8.115.909	+0,4%	Năm 2015, tỉ lệ tăng lương thực tế từ 5% đến 30%; tuy nhiên, việc tuyển 57 nhân sự mới có mức lương thấp so với mặt bằng chung đã tác động tới mức lương bình quân toàn Công ty.
2016	8.570.426	+10,0%	Tăng từ 8 – 13% tùy từng vị trí công việc, trong đó cấp quản lý tăng từ 8 – 10%, cấp nhân viên tăng 13%.
2017	8.617.337	+0,5%	Tăng từ 7 - 15% tùy thuộc vào năng lực làm việc của mỗi nhân viên. Công ty tuyển thêm nhiều nhân viên để phục vụ cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo và tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc, nhân viên mới có mức lương khởi điểm thấp đã tác động mức lương bình quân toàn Công ty.
Dự kiến 2018	11.050.771	+28,2%	Tăng từ 5 -15% tùy từng vị trí công việc, cụ thể như sau: cấp quản lý tăng từ 5 – 10%, cấp nhân viên tăng 15%.

## Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích toàn thể người lao động làm việc tích cực, nâng cao năng suất lao động và cống hiến cho sự phát triển của Công ty, Công ty có chính sách thưởng định kỳ thỏa đáng cho các cá nhân, tập thể đã đóng góp thiết thực vào kết quả kinh doanh của toàn Công ty, bao gồm: thưởng cuối năm, thưởng trong các dịp như: Tết Dương lịch, Ngày 08/03, Giỗ tổ Hùng Vương, Ngày 30/4 - 01/05, Ngày 02/09.

Chế độ thưởng tết 2017: từ 01 tháng đến 03 tháng lương tùy theo thâm niên và sự đóng góp của từng cá nhân cho Công ty.



## Bảo hiểm và phúc lợi

Bảo hiểm: Người lao động được tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng theo quy định của pháp luật.

Phúc lợi: Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho tất cả người lao động.

## Kế hoạch nhân sự 2018

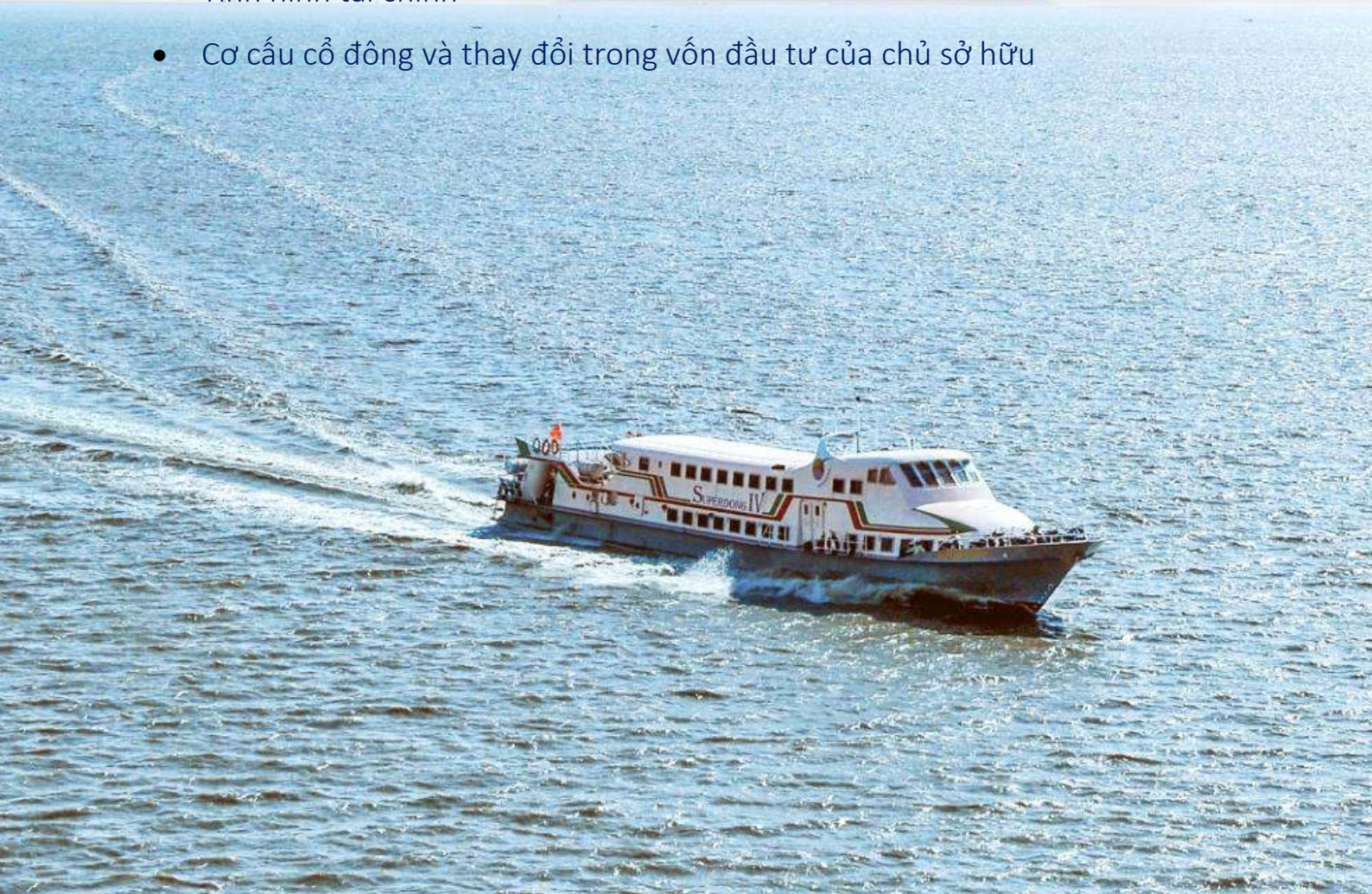
Năm 2018, Công ty có kế hoạch đưa vào khai thác các tàu sau: (1) Tàu cao tốc HSP I và II sẽ được nhập khẩu về Việt Nam để phục vụ khai thác tuyến mới Phan Thiết - Phú Quý. (2) Tàu phà cao tốc HS I cũng sẽ được nhập khẩu về Việt Nam để phục vụ tuyến Rạch Giá - Phú Quốc. (3) Tàu phà Superdong PII sẽ được hoàn thiện để đưa vào phục vụ tuyến Hà Tiên – Phú Quốc. Trên cơ sở đó, nhu cầu lao động cũng tăng theo, cụ thể:

- Lao động trực tiếp : 65 lao động với mức lương bình quân khoảng 8.500.000/người/tháng;
- Lao động gián tiếp:
  - TP.HCM : 5 lao động
  - Rạch Giá : 10 lao động
  - Phú Quốc : 10 lao động
  - Hà Tiên : 5 lao động
  - Phan Thiết : 6 lao động
  - Phú Quý : 5 lao động



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu





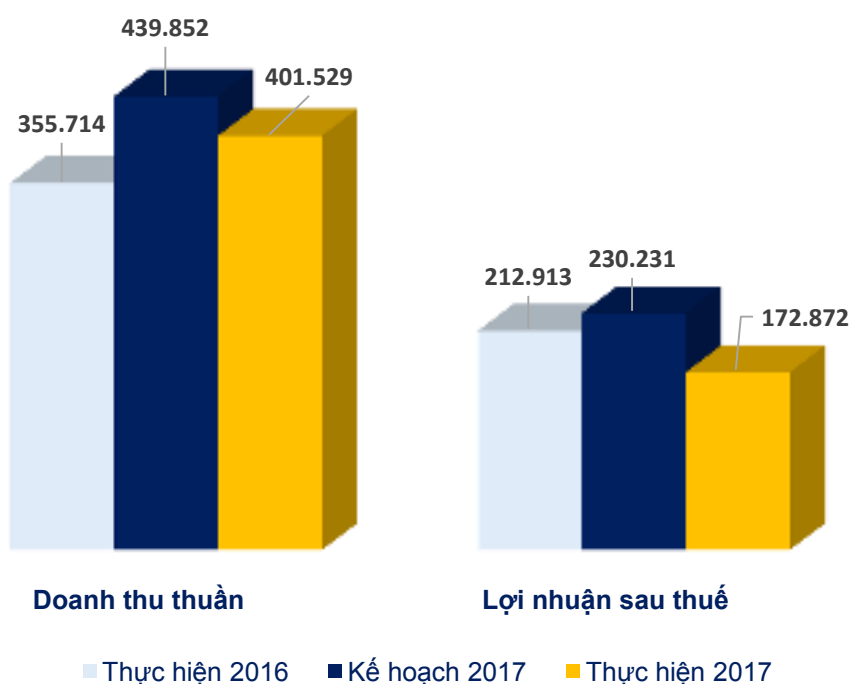


## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	%TH/KH 2017	%TH 2017/2016
Vốn điều lệ	342.712.420.000	479.797.380.000	479.794.370.000	100,00%	140,00%
Doanh thu thuần	355.713.711.126	439.852.471.591	401.528.755.081	91,29%	112,88%
Lợi nhuận sau thuế	212.912.867.564	230.231.447.412	172.872.162.878	75,09%	81,19%
LNST/DTT	59,86%	52,34%	43,05%	-	-
LNST/VĐL	62,13%	47,99%	36,03%	-	-

SO SÁNH CÁC CHỈ TIÊU  
(ĐVT: Triệu đồng)



Theo thống kê cho thấy, năm 2017, lượng khách và tổng thu từ khách du lịch đến Kiên Giang tăng trưởng mạnh; các địa điểm du lịch đã đón và phục vụ hơn 6 triệu lượt khách du lịch (tăng 7,8% so với cùng kỳ, vượt 4,5% so với kế hoạch năm); trong đó, khách quốc tế là khoảng 369 ngàn lượt và tổng doanh thu đạt trên 4.582 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2016. Phú Quốc là địa điểm quan trọng mang lại sự chuyển biến tích cực nêu trên khi có đến 240 dự án đầu tư du lịch, chiếm 84% dự án đầu tư toàn tỉnh được triển khai tại đây. Phú Quốc tiếp tục là điểm sáng về đầu tư và du lịch của khu vực phía Nam, thu hút rất nhiều khách du lịch đến tham quan và nghỉ dưỡng mỗi năm. Nhu cầu đi lại của người dân và người lao động làm việc tại các dự án, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí tại Phú Quốc tiếp tục tăng trưởng.

Bên cạnh đó, sự đóng góp của loại hình dịch vụ mới là phà tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và địa bàn mới là tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo vẫn còn khiêm tốn do: (1) các tuyến này hoạt động vào nửa cuối năm, vốn không đông khách bằng nửa đầu năm 2017. (2) Khách hàng cần thêm thời gian để làm quen, chấp nhận sử dụng dịch vụ mới. (3) Diễn biến thời tiết phức tạp, không theo thông lệ hàng năm đã ảnh hưởng tới số lượng giờ khai thác của Công ty.

Năm qua, vị thế đầu ngành của Công ty vẫn được giữ vững, doanh thu thuần tăng 12,88% so với năm trước đạt mức 401,5 tỷ đồng. Trong thời gian tới, khi các tuyến mới đi vào hoạt động ổn định và chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh như tuyến mới Phan Thiết – Phú Quý và phà cao tốc Rạch Giá – Phú Quốc phát huy hiệu quả sẽ mang lại những chuyển biến tích cực cho kết quả kinh doanh của Công ty.

Năm 2017 cũng là năm đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ cả về số lượng nhà cung cấp và số lượng tàu tham gia lĩnh vực vận tải thủy nổi đất liền với đảo Phú Quốc; đây cũng là một trong những nguyên nhân tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty. Đứng trước áp lực cạnh tranh khốc liệt, Công ty đã vận dụng tốt ưu thế của doanh nghiệp đầu ngành để duy trì thị phần thay cho việc vội vã chạy theo chính sách “giá hủy diệt” nhằm giữ vững vị thế và bảo vệ lợi ích kinh tế cho Công ty. Thuận theo xu hướng nhu cầu, thị hiếu của khách hàng đòi hỏi sự tiện lợi và đa dạng hơn theo thời gian, Công ty tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng số lượng giờ khởi hành dẫn tới công suất khai thác có sự suy giảm dù doanh thu trên cả 02 tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, Hà Tiên – Phú Quốc đều tăng trưởng so với năm 2016. Riêng tuyến Rạch Giá – Nam Du đã trở thành điểm sáng trong năm khi vẫn duy trì được sự tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận trong điều kiện cạnh tranh gay gắt hơn so với năm trước.

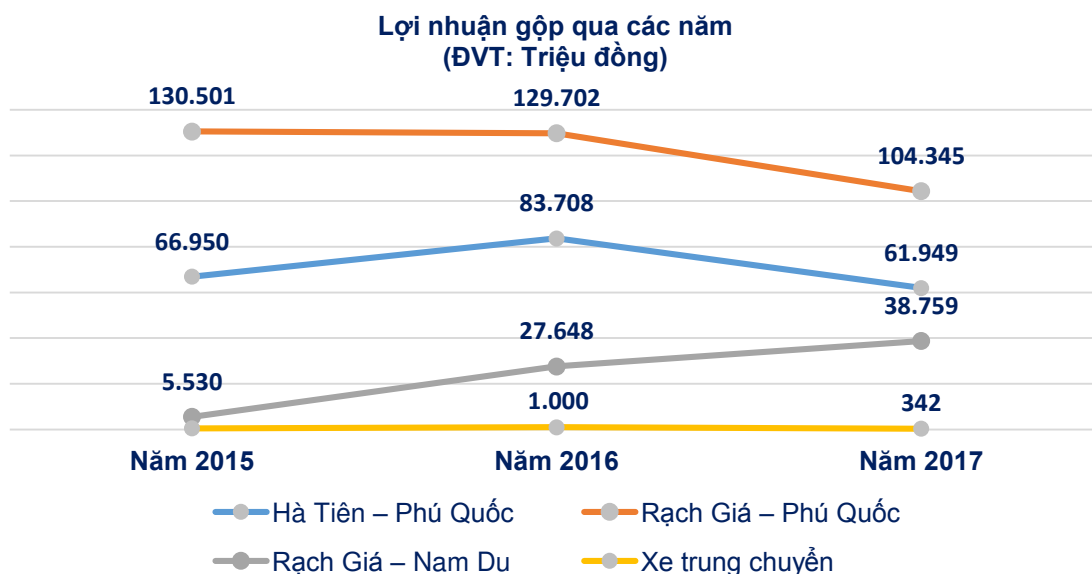


**Cơ cấu doanh thu (ĐVT: Triệu đồng)**

Tuyến tàu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	117.763	33,11%	117.657	30,02%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	184.840	51,96%	185.395	47,31%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	50.469	14,19%	71.163	18,16%
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	-	-	12.579	3,21%
Phà Hà Tiên – Phú Quốc	-	-	2.558	0,65%
Xe trung chuyển	2.641	0,74%	2.545	0,65%
<b>Tổng cộng</b>	<b>355.714</b>	<b>100%</b>	<b>391.897</b>	<b>100%</b>

**Cơ cấu Lợi nhuận gộp (ĐVT: Triệu đồng)**

Tuyến tàu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc	83.708	34,58%	76.482	33,00%
Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc	129.702	53,58%	117.061	50,51%
Tuyến Rạch Giá – Nam Du	27.648	11,42%	36.600	15,79%
Tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo	-	-	4.269	1,84%
Phà Hà Tiên – Phú Quốc	-	-	-3.016	-1,30%
Xe trung chuyển	1.000	0,40%	375	0,16%
<b>Tổng cộng</b>	<b>242.059</b>	<b>100%</b>	<b>231.771</b>	<b>100%</b>



Năm 2017, việc bổ sung vào hoạt động Phà Superdong PI và tàu Superdong Côn Đảo I đã làm tăng thêm hai mảng doanh thu trong tổng cơ cấu. Kết quả cho thấy doanh thu có sự tăng trưởng 10,17% so với năm trước đạt mức 391,9 tỷ đồng. Tuy nhiên, do chỉ mới đưa vào hoạt động nên hiệu quả mang lại của Phà Superdong PI chưa có điều này làm cho lợi nhuận gộp của Công ty bị sụt giảm.

Hà Tiên – Phú Quốc là một trong hai tuyến tàu quan trọng của Công ty tại Kiên Giang chiếm khoảng 30% tổng doanh thu, cũng như lợi nhuận gộp. Giá vé cho tuyến này không có sự thay đổi so với năm trước (230.000 đồng), cùng với lịch trình đa dạng, đúng giờ là những điểm mạnh mà Công ty luôn cố gắng duy trì tại đây. Nhờ những lợi thế trên mà tuyến này vẫn duy trì được thị phần, doanh thu ổn định trong bối cảnh các hãng phà, tàu S/B đẩy mạnh nguồn cung bằng cách tăng thêm số lượng tàu và số giờ khởi hành kết hợp với việc giảm giá mạnh để cạnh tranh; thậm chí, đối thủ truyền thống trong mảng tàu cao tốc của Công ty là Ngọc Thành đã phải dừng hoạt động trong những tháng cuối năm 2017.

Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của toàn Công ty, lần lượt là 47% và 51%. Phát huy được thế mạnh của doanh nghiệp đầu ngành, chi phí vận hành hợp lý, hoạt động ổn định, giờ khởi hành đa dạng, phân khúc khách hàng phù hợp nên chỉ trong 04 tháng đầu năm 2017, Công ty đã gia tăng được thị phần từ 70% lên 80% và giữ ổn định trong suốt thời gian còn lại của năm qua; trong khi đối thủ mới gia nhập cuối năm 2016 hoạt động suy giảm, cầm chừng, thậm chí dừng hoạt động trong những tháng cuối năm 2017. Trong thời gian tới, Công ty đưa thêm loại hình dịch vụ lần đầu tiên được ra mắt tại Việt Nam là phà cao tốc chuyên chở hành khách, xe máy, xe ô tô 04 – 25 chỗ để phối hợp với dịch vụ tàu cao tốc nhằm củng cố vị trí dẫn đầu và đáp ứng được mọi nhu cầu về vận chuyển của khách hàng, từ đó gia tăng áp lực cạnh tranh lên các đối thủ cùng ngành khác.

Ở một diễn biến khác, tuyến Rạch Giá – Nam Du lại có sự chuyển biến rất tích cực trong cả doanh thu và lợi nhuận với tỷ trọng tăng lần lượt là 41% và 32% so với năm trước. Dù gia nhập thị trường sau và mới chỉ trong thời gian khoảng 2,5 năm; thậm chí năm qua, hãng tàu Ngọc Thành còn đưa các tàu hoạt động tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, Rạch Giá – Phú Quốc về chạy tuyến này để cạnh tranh với Công ty nhưng bằng kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực vận hành tàu cao tốc, am hiểu nhu cầu, thị hiếu khách hàng và sự điều chỉnh hợp lý trong công tác điều phối tàu đã giúp cho Công ty giảm được chi phí vận hành, tăng công suất khai thác. Tuyến này được nhận định sẽ tiếp tục có những đóng góp tích cực trong tổng doanh thu, bởi tiềm năng khai thác dịch vụ du lịch tại Nam Du vẫn còn tăng trưởng trong thời gian tới.



Sóc Trăng – Côn Đảo là tuyến mới được SKG đưa vào khai thác từ tháng 07 năm 2017 với 01 tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, vượt qua những khó khăn ban đầu về địa bàn hoạt động hoàn toàn mới, điều kiện cơ sở vật chất còn hạn chế, khách hàng chưa quen với tuyến mới, điều kiện thời tiết những tháng cuối năm diễn biến phức tạp nhưng tuyến này vẫn mang lại cho Công ty 12,6 tỷ doanh thu và 4,3 tỷ lợi nhuận. Từ năm 2018 trở đi, Công ty nhận định tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo sẽ mang lại hiệu quả cao hơn khi khách hàng đã biết đến tuyến mới, tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II đã được đưa vào hoạt động từ tháng 01 và mùa cao điểm của tuyến này kéo dài từ tháng 03 đến tháng 08 hàng năm.

Tháng 09 năm 2017, tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc chính thức được đưa vào khai thác bằng phà Superdong PI. Hiện, Công ty là đơn vị duy nhất cung cấp dịch vụ vận chuyển vừa bằng tàu cao tốc vừa bằng tàu phà và sắp tới là phà cao tốc; khách hàng sẽ được đáp ứng mọi nhu cầu về vận chuyển khi đến với SKG. Quý IV là mùa mưa và đường lộ dẫn vào cảng đang khai thác của Công ty đang trong quá trình sửa chữa đã ảnh hưởng đến việc di chuyển của khách hàng, đặc biệt là các phương tiện vận tải; đồng thời việc bố trí giờ khởi hành còn bị hạn chế do mới chỉ có một phà hoạt động; đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến phà Superdong PI hoạt động chưa hiệu quả trong năm qua. Năm 2018, phà Superdong PII có thiết kế cải tiến hơn sẽ được đưa vào khai thác nhằm tháo gỡ khó khăn Công ty đang gặp phải, giúp cho tuyến phà này hoạt động hiệu quả hơn.

Dù chiếm tỷ trọng còn khiêm tốn và không đặt nặng vấn đề lợi nhuận nhưng xe trung chuyển vẫn có những đóng góp nhất định làm đa dạng cơ cấu doanh thu của Công ty. Năm 2017 vừa qua, mảng này mang lại 375 triệu đồng lợi nhuận gộp sau khi đã trừ đi giá vốn. Tiềm ích của dịch vụ xe trung chuyển tiếp tục được khách hàng ghi nhận và tin dùng vì đây là phương tiện di chuyển nhanh chóng, chi phí hợp lý. Công ty sẽ cố gắng duy trì hoạt động và đầu tư phát triển thêm mảng dịch vụ này để tạo được sự kết nối liên tục trong chu trình phục vụ khách hàng.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Thực hiện chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, Công ty tập trung đầu tư vào hai nhóm chính là phương tiện vận tải và cơ sở hạ tầng.

### Về đầu tư phương tiện vận tải:

Năm 2017, Công ty đã đầu tư đóng mới tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II với giá trị đầu tư khoảng 4 triệu đô là Mỹ; phà Superdong PI, PII có giá trị đầu tư khoảng 5 triệu đô la Mỹ; hai tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý với giá trị đầu tư khoảng 4 triệu đô la Mỹ. Hiện, tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II, phà Superdong PI đã được đưa vào hoạt động và dự kiến trong Quý II hoặc Quý III năm 2018, phà Superdong PII và một tàu cao tốc tuyến Phan Thiết – Phú Quý sẽ được đưa vào khai thác.

Năm 2018, Công ty thực hiện đầu tư phà cao tốc cho tuyến Rạch Giá – Phú Quốc giá trị đầu tư khoảng 2,65 triệu đô la Mỹ, dự kiến sẽ bắt đầu hoạt động từ Quý II hoặc Quý III năm 2018.



## Về đầu tư cơ sở hạ tầng:

Năm 2017, Công ty còn triển khai đầu tư dự án Bến tàu Trần Đề (Sóc Trăng) phục vụ cho việc khai thác tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo với tổng số vốn đầu tư khoảng 90 tỷ đồng được chia thành nhiều giai đoạn triển khai; bến tàu sẽ được đưa vào vận hành giai đoạn 01 từ Quý II năm 2018 và dự kiến hoàn thành toàn bộ dự án này vào năm 2022. Trong năm, SKG còn triển khai đầu tư 03 xe trung chuyển hành khách cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo với giá trị đầu tư khoảng 4,3 tỷ đồng.

Theo kế hoạch năm 2018, Công ty sẽ thực hiện đầu tư khách sạn tại Côn Đảo với tổng vốn đầu tư khoảng 100 tỷ, dự kiến hoàn thành vào năm 2020 và khu hậu cần cảng tại Hà Tiên nhằm phục vụ cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

**ĐVT: Đồng**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2017	% Tăng giảm
Tổng tài sản	714.796.186.726	825.695.094.853	15,51%
Doanh thu thuần	355.713.711.126	401.528.755.081	12,88%
Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	242.059.301.369	232.036.435.051	-4,14%
Lợi nhuận khác	614.145.263	-20.378.450.035	-
Lợi nhuận trước thuế	220.273.307.468	183.882.605.329	-16,52%
Lợi nhuận sau thuế	212.912.867.564	172.872.162.878	-18,81%



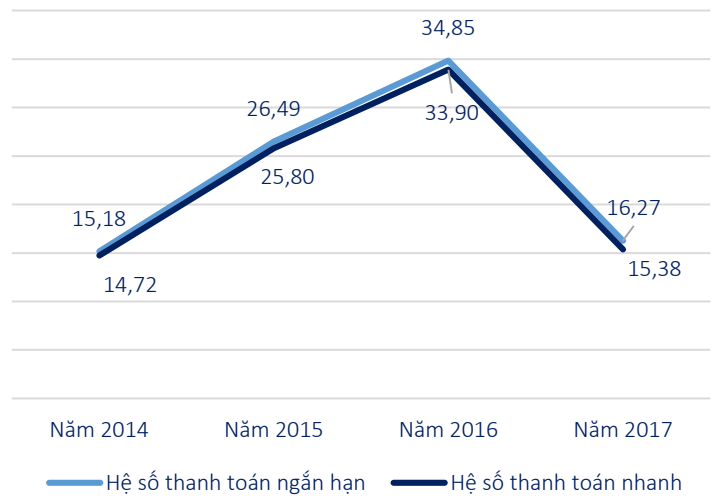
### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	34,85	16,27
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	33,90	15,36
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,53%	2,54%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,56%	2,61%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,19	11,46
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,57	0,52
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	59,86%	43,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	34,93%	23,51%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	34,28%	22,44%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	61,75%	50,87%



### Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

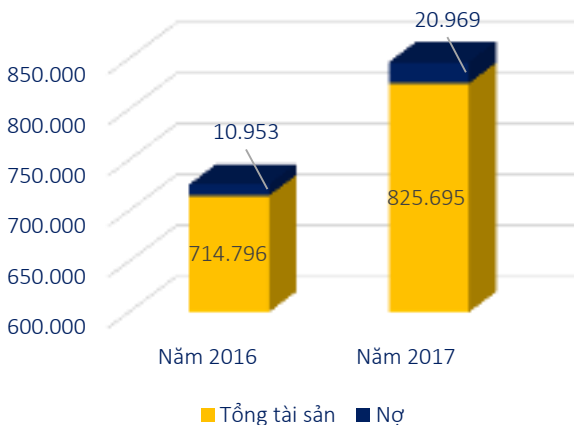
Năm qua, các hệ số thanh toán của Công ty có sự sụt giảm so với kỳ trước, đây là năm đầu tiên trong những năm gần đây đã tăng trưởng chỉ tiêu khả năng thanh toán của SKG bị chững lại. Trong năm, tài sản ngắn hạn đã giảm 10,61% dừng tại mức 341,2 tỷ đồng do khoản đầu tư tài chính là tiền gửi có kỳ hạn của Công ty nắm giữ đến ngày đáo hạn giảm nhằm thực hiện các kế hoạch đầu tư của Công ty. Trong khi đó, nợ ngắn hạn lại tăng đáng kể 91,45% so với năm 2016 đạt mức gần 21 tỷ đồng do sự biến động của các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước và phải trả người lao động. Hàng tồn kho năm 2017 tăng mạnh 85,34% đạt mức 19,2 tỷ đồng; trong đó, chủ yếu là phụ tùng, dầu DO phục vụ cho việc bảo dưỡng, nâng cấp tàu và hoạt động vận chuyển hàng ngày. Dù vậy, khả năng thanh toán của SKG vẫn được đảm bảo ở mức trung bình hơn 15 lần so với nợ ngắn hạn đây được đánh giá vẫn là mức an toàn cho tình hình tài chính của Công ty.



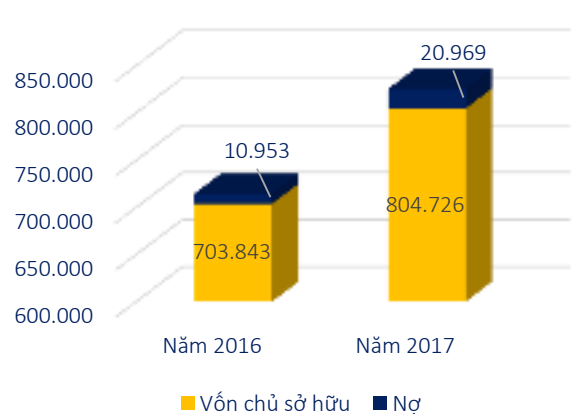
### Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn

Cơ cấu vốn của Công ty chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu. Năm qua, SKG tiếp tục thực hiện chủ trương không dùng nợ vay dài hạn; do đó, nợ phải trả của Công ty chính là nợ ngắn hạn, khoản này có sự tăng lên đáng kể như đã phân tích. Trong khi đó, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu cũng có sự gia tăng nhưng với tỷ lệ nhỏ hơn đã làm cho cơ cấu vốn có sự chuyển dịch theo hướng làm nghĩa vụ tài chính của Công ty có sự gia tăng về giá trị hơn so với năm trước. Tuy nhiên, cơ cấu vốn vẫn cho thấy tỷ lệ nợ phải trả khá nhỏ so với quy mô vốn và tài sản của Công ty, nên những thay đổi này không phải là vấn đề quá lớn đối với SKG.

**Cơ cấu Nợ - Tổng tài sản**  
(ĐVT: Triệu đồng)



**Cơ cấu Nợ - Vốn chủ sở hữu**  
(ĐVT: Triệu đồng)

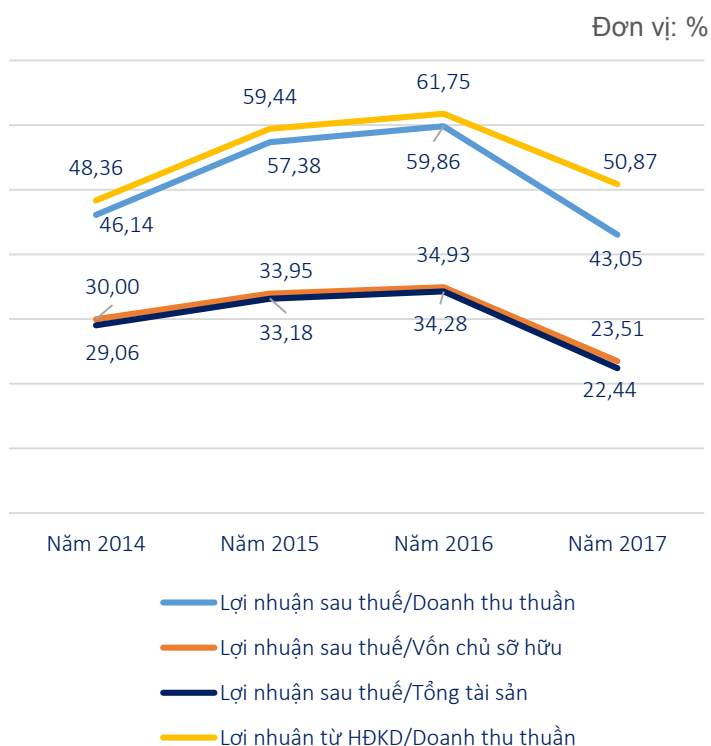
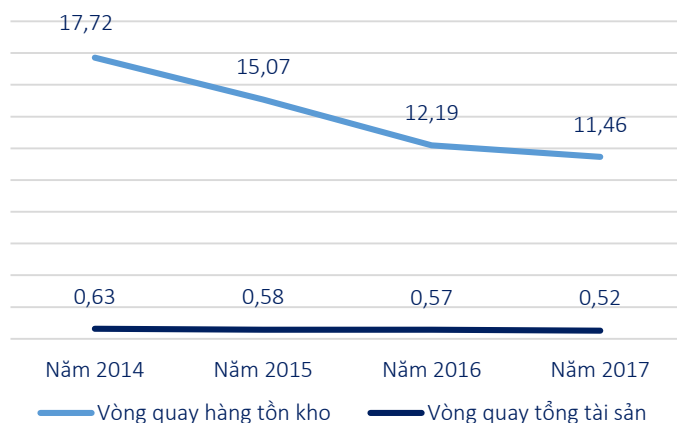


## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho giảm nhẹ so với năm trước do giá vốn hàng bán có sự tăng mạnh 49,13% đạt mức 169,5 tỷ đồng, hàng tồn kho chủ yếu là phụ tùng và dầu DO dùng phục vụ cho hoạt động kinh doanh cũng đã gia tăng đáng kể với tỷ lệ đến 85,34% đạt mức 19,2 tỷ đồng. Bên cạnh đó, năm qua vòng quay tổng tài sản của Công ty cũng không có nhiều thay đổi; điều này, cho thấy năng lực hoạt động của SKG dù có xu hướng giảm nhưng vẫn được giữ vững được hiệu quả, không có sự biến động quá lớn.

## Khả năng sinh lời

Năm 2017, các chỉ số khả năng sinh lời năm qua của Công ty có sự sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành, do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm đi so với cùng kỳ tương ứng 18,81% và 7,01% lần lượt đạt 172,9 tỷ đồng và 204,3 tỷ đồng; trong khi đó, doanh thu thuần và tổng tài sản năm qua lại có sự gia tăng đây là kết quả của việc Công ty đã đầu tư và đưa vào khai thác nhiều tàu, phà hơn so với năm trước, lượng lợi nhuận sau thuế 2017 chưa phân phối cũng đã làm vốn chủ sở hữu của SKG gia tăng đáng kể. Trong thời gian tới, Công ty kỳ vọng khi các dự án đầu tư mới tàu, phà vận chuyển cho các tuyến hiện tại và tuyến mới; cũng như đầu tư bến cảng bắt đầu cho hiệu quả sẽ giúp các chỉ số này lấy lại được đà tăng trưởng.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### Cổ phần

<b>Vốn điều lệ</b>	:	479.794.370.000	Đồng
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	:	47.979.437	Cổ phiếu
<b>Mệnh giá</b>	:	10.000	Đồng/cổ phiếu
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	:	47.979.437	Cổ phiếu
<b>Cổ phiếu ưu đãi</b>	:	0	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	:	47.979.437	Cổ phiếu
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	:	0	Cổ phiếu



## Cơ cấu cổ đông

(Tính đến ngày 22/06/2017)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>1.958</b>	<b>26.068.575</b>	<b>54,33%</b>
	Cổ đông tổ chức	27	2.112.869	4,40%
	Cổ đông cá nhân	1.931	23.955.706	49,93%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>112</b>	<b>21.910.862</b>	<b>45,67%</b>
	Cổ đông tổ chức	26	6.599.378	13,76%
	Cổ đông cá nhân	86	15.311.484	31,91%
<b>III</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.070</b>	<b>47.979.437</b>	<b>100%</b>

## Danh sách cổ đông lớn (Tính đến ngày 31/12/2017)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Puan Kwong Siing	8.732.392	18,20%
2	Nguyễn Thị Thiên Hương	5.742.547	11,67%
3	Quách Hồng	3.287.690	6,85%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, Công ty đã phát hành thêm 13.708.195 cổ phiếu, tỷ lệ 40% để trả cổ tức năm 2016, nâng mức vốn điều lệ của Công ty từ 342.712.420.000 đồng lên 479.794.370.000 đồng.

## Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

## Các chứng khoán khác

Không có





# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về tổ chức, chính sách quản lý
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán viên
- Kế hoạch phát triển trong tương lai



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2017, đánh dấu một cột mốc phát triển quan trọng và đầy thách thức của Công ty; bên cạnh mảng kinh doanh truyền thống tại Kiên Giang, Công ty đã bước vào giai đoạn mở rộng địa bàn kinh doanh sang khu vực khác và đa dạng hóa loại hình dịch vụ. Việc vận hành 13 tàu cao tốc và 01 phà trên 03 tuyến tại Kiên Giang và 01 tuyến mới tại Côn Đảo đã mang lại cho Công ty 401,5 tỷ đồng, tăng 12,88% so với năm 2016.

Tại mảng kinh doanh truyền thống, tình hình cạnh tranh năm qua diễn ra khá căng thẳng khi các đối thủ gia nhập thị trường và tăng cường thêm phương tiện vận tải để nâng cao năng lực hoạt động; điều này cũng gây khó khăn phần nào cho công tác tuyển dụng của Công ty khi đưa thêm các tàu, phà mới vào khai thác. Dù vậy, tuyến Rạch Giá – Nam Du vẫn tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng cả về doanh thu và lợi nhuận. Trên các tuyến khác, Công ty phải mở thêm nhiều giờ khởi hành, thực hiện các hoạt động marketing để gia tăng sức cạnh tranh; kết quả là, Công ty vẫn giữ được thị phần ổn định khoảng 80% tại tuyến Rạch Giá – Phú Quốc và 95% tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc và trong những tháng cuối năm 2017, đối thủ cạnh tranh truyền thống là hãng tàu Ngọc Thành đã phải dừng hoạt động tại 02 tuyến này. Đối với tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc, Công ty có lợi thế khi cung cấp cả dịch vụ tàu cao tốc và phà nhưng cũng gặp khó trong việc sắp xếp giờ khởi hành do mới chạy thử nghiệm 01 phà Superdong PI, trong khi có đến 09 phà khác đã hoạt động ổn định trước khi Công ty khai trương phà. Ở tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo, Công ty đã tận dụng được tốt lợi thế của doanh nghiệp đầu tiên khai phá thị trường; tuy nhiên, do thời tiết những tháng cuối năm qua diễn biến bất thường đã phần nào gây trở ngại cho việc bố trí lịch trình hoạt động của tuyến này. Những nguyên nhân nêu trên đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh năm qua của Công ty; dù biên lợi nhuận ròng vẫn duy trì ở mức khá tốt là 43,1% nhưng lợi nhuận sau thuế chỉ được 172,9 tỷ đồng, đạt 81,2% so với cùng kỳ, hoàn thành 75,1% kế hoạch năm.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% TH 2017/TH2016	% TH/KH 2017
Doanh thu thuần	Triệu đồng	355.714	439.852	401.529	112,88%	91,29%
Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	219.659	237.484	204.261	92,99%	86,01%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	614	706	-20.378	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	220.273	238.191	183.883	83,48%	77,20%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	212.913	230.231	172.872	81,19%	75,09%
EPS	Đồng	4.438	4.799	3.603	81,19%	75,08%

Hiện nay, SKG đã và đang thực hiện chiến lược đa dạng dịch vụ của mình thông qua việc khai thác tàu cao tốc, phà, xe trung chuyển, đầu tư thêm bến tàu kết hợp khai thác dịch vụ ăn uống lưu động, cửa hàng lưu niệm, dịch vụ lưu trú nhằm đáp ứng được nhu cầu của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, tạo nên sự tiện lợi, tiết kiệm chi phí và thời gian đi lại của hành khách; đồng thời, đầu tư vào dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, nâng cấp tàu biển để tiết kiệm chi phí và chủ động hơn trong việc chăm sóc đội tàu hiện tại, qua đó có thể phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh thường nhật của mình.

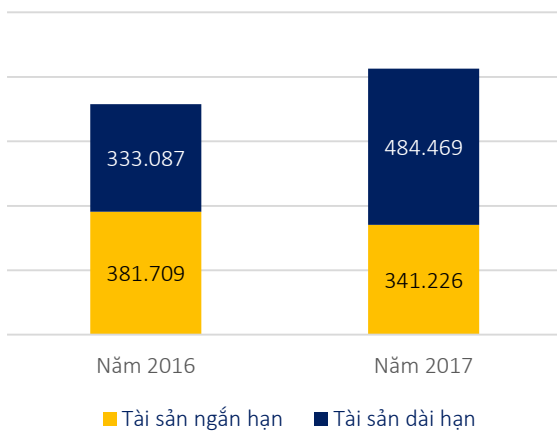


## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	381.709	341.226	-10,61%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	333.087	484.469	45,45%
Tổng tài sản	Triệu đồng	714.796	825.695	15,51%
Vòng quay tài sản	Vòng	0,57	0,52	-8,77%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	34,28%	20,94%	-38,91%

### Cơ cấu tài sản ĐVT: triệu đồng



Năm 2017, Tổng tài sản của Công ty tiếp tục có sự chuyển biến tích cực khi đã tăng 15,51% so với năm trước đạt mức 825,7 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng trưởng này là do sự tăng mạnh của tài sản dài hạn, cụ thể là khoản mục tài sản cố định khi Công ty đã liên tục đầu tư thêm tàu và phà mới để phục vụ cho kế hoạch phát triển kinh doanh của mình. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn lại có sự sụt giảm so với năm trước 10,61% duy trì tại mức 341,2 tỷ đồng do khoản đầu tư tài chính là tiền gửi có kỳ hạn của Công ty nắm giữ đến ngày đáo hạn vào thời điểm tổng kết cuối năm giảm đi so với năm 2016.

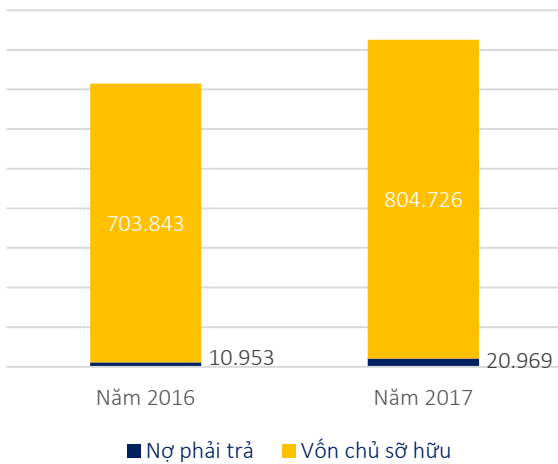
Hiệu suất sử dụng tài sản năm 2017 giảm so với năm trước, cụ thể vòng quay tài sản năm nay đạt mức 0,52 vòng giảm 8,77%; điều này có thể lý giải bởi sự tăng lên đáng kể của tổng tài sản trong năm qua với giá trị lớn mặc dù doanh thu thuần của Công ty cũng có sự tăng trưởng so với kỳ trước. Chỉ tiêu khả năng sinh lời từ tổng tài sản cũng có sự sụt giảm đáng kể 38,91% so với năm 2016, bám trụ tại mức 20,94% do kết quả kinh doanh chỉ đạt mức lợi nhuận sau thuế tại mức 172,9 tỷ đồng, số này đã giảm đến 18,81% so với năm trước, trong khi tổng tài sản lại tăng 15,51%.



## Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% Tăng/Giảm
Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	10.953	20.969	91,45%
Nợ dài hạn	Triệu đồng	-	-	-
Tổng nợ	Triệu đồng	10.953	20.969	91,45%
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	703.843	804.726	14,33%
Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	714.796	825.695	15,51%

### Cơ cấu nguồn vốn ĐVT: triệu đồng



Công ty tiếp tục không sử dụng nợ vay dài hạn nên tổng nợ chính là số liệu của nợ ngắn hạn, khoản này trong năm qua có sự tăng mạnh so với năm trước đến 91,45% đạt mức gần 21 tỷ đồng. Cụ thể, các khoản phải trả ngắn hạn cho người bán phát sinh từ công tác thu mua nhiên liệu đầu vào là dầu, mua vật liệu xây dựng phục vụ hoạt động kinh doanh và xây dựng cơ bản của Công ty đã có sự tăng lên đáng kể trong năm. Bên cạnh đó, năm qua các khách hàng trong nước trả trước tiền vé với giá trị lớn hơn năm trước và sự tăng lên của khoản mục phải trả người lao động cũng là một trong những nguyên nhân làm nợ phải trả của Công ty có sự chuyển biến như đã đề cập.

Ngược lại với diễn biến của nợ phải trả, vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm cuối năm đã tăng 14,33% so với năm 2016, đạt mức 804,7 tỷ đồng do trong năm SKG tiếp tục phát hành thành công cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, điều này đã làm vốn góp chủ sở hữu có sự gia tăng. Ngoài ra, việc chưa phân phối lợi nhuận sau thuế tại thời điểm báo cáo cũng đã tác động tích cực đến giá trị của nguồn vốn khi đã đóng góp và làm tăng vốn chủ sở hữu đến 172,9 tỷ đồng.



## **NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ**

Năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước, tuy nhiên có sự bổ sung thêm các chi nhánh mới thành lập tại Sóc Trăng, Côn Đảo và Phú Quý phục vụ cho hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại các tuyến mới Sóc Trăng – Côn Đảo; Phan Thiết – Phú Quý. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.



## **GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN**

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, Công ty kiểm toán độc lập đã có ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC năm 2017 của SKG; vì vậy, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến thêm.



## **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

Với diễn biến thuận lợi của nền kinh tế chung, năm 2018, Công ty sẽ tiếp tục bám sát các mục tiêu kinh doanh và chiến lược trung – dài hạn của mình để đưa ra các kế hoạch triển khai cụ thể.



Ở thị trường truyền thống, Công ty sẽ phát huy tối đa các ưu thế sẵn có như thương hiệu hàng đầu, được tin dùng lâu năm, đội tàu có số lượng nhiều nhất, kích cỡ phù hợp, chi phí vận hành, giá vé hợp lý... để gia tăng năng lực cạnh tranh. Công ty đang là đơn vị duy nhất phục vụ hành khách với các loại hình dịch vụ đa dạng là tàu cao tốc, tàu phà, xe trung chuyển. Công ty sẽ tiếp tục điều phối các tàu hiện có duy trì hiệu quả hoạt động tại các tuyến đã khai thác để có thể đảm bảo được công suất khai thác và giữ vững năng lực cạnh tranh của mình. Việc bố trí các tàu được thực hiện như sau:

Tàu cao tốc Superdong XII sẽ được bố trí tăng cường cho các tuyến khi có nhu cầu.

Tuyến Rạch Giá – Nam Du sẽ bố trí các tàu cao tốc Superdong I, II, XI.

Tuyến Rạch Giá – Phú Quốc bố trí các tàu cao tốc Superdong III, IV, V, IX.

Tuyến Hà Tiên – Phú Quốc bố trí các tàu cao tốc Superdong VI, VII, VIII, X; phà Superdong PI và PII, trong đó, phà Superdong PII sẽ bắt đầu hoạt động từ Quý II hoặc Quý III năm 2018.

Với tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo, Công ty sẽ cung cấp gói dịch vụ gồm vận chuyển bằng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I, II, dịch vụ bổ trợ gồm xe trung chuyển, ăn uống nhanh, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng tiện lợi, dịch vụ lưu trú tại bến tàu phức hợp Trần Đề (Sóc Trăng); dự kiến sẽ khai trương giai đoạn 01 trong Quý II hoặc Quý III năm 2018 và khách sạn tại Côn Đảo dự kiến sẽ đưa vào hoạt động năm 2020.

Dự kiến, cuối Quý II hoặc đầu Quý III năm 2018, Công ty sẽ khai trương tuyến Phan Thiết – Phú Quý, lấy yếu tố tốc độ nhanh và chất lượng dịch vụ làm lợi thế cạnh tranh giành thị phần tại địa bàn mới này.

SKG sẽ tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ thông qua công tác đào tạo, giám sát nhân viên tại khối lao động trực tiếp, tiếp tục triển khai giai đoạn 02 của hệ thống đặt và thanh toán vé trực tuyến, tổ chức các sự kiện quảng bá, chương trình marketing nhằm phổ biến và in đậm thêm dấu ấn của thương hiệu Superdong trong tâm trí khách hàng; đây được xem là sự chuẩn bị sẵn sàng cho việc khai thác các dự án mới với điều kiện và môi trường kinh doanh không ngừng thay đổi như hiện nay.



# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty chính thức thực hiện chiến lược kinh doanh đa dạng hóa loại hình và địa bàn cung cấp dịch vụ để phù hợp với tình hình kinh doanh mới; đây là một bước đi quan trọng, quyết định năng lực cạnh tranh và duy trì tốc độ tăng trưởng của Công ty trong trung và dài hạn. Lĩnh vực vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng các phương tiện vận tải hiện đại như tàu cao tốc, phà khách và hàng hóa còn rất mới, rất tiềm năng tại Việt Nam, nhất là trong điều kiện nhà nước đang khuyến khích, thúc đẩy phát triển du lịch biển đảo. SKG rất tự hào khi là một trong những thương hiệu đầu tiên và có số lượng tàu cao tốc nhiều nhất của cả nước. Hơn 15 năm qua, thương hiệu Superdong luôn nhận được sự tin dùng của các khách hàng trong và ngoài nước. Công ty sở hữu đội ngũ nhân viên lành nghề, có nhiều kinh nghiệm trong công tác phục vụ hành khách, điều động tàu, nhiệt huyết, tận tâm vì công việc; cùng hệ thống phân phối vé rộng rãi, hiệu quả, đội tàu hoạt động ổn định, an toàn; vì thế, Công ty đã luôn giữ vững vị trí dẫn đầu trong gần 10 năm qua. Tuy vậy, năm qua, Công ty cũng phải ứng phó linh hoạt với những khó khăn tới từ việc thay đổi môi trường cạnh tranh tại Kiên Giang. Các hãng tàu mới gia nhập thị trường và bổ sung thêm tàu đã đặt ra những bài toán khó cho Công ty như: làm thế nào để giữ được thị phần nhưng không ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh? Làm cách nào để tuyển thêm được đội ngũ nhân viên đạt yêu cầu với chi phí hợp lý nhất để đáp ứng cho nhu cầu mở rộng khi lao động trong ngành vận tải đang bị khan hiếm? Bố trí tàu tăng cường thế nào để phù hợp với nhu cầu của hành khách khi bến đón trả khách đang trong tình trạng quá tải và sửa chữa nâng cấp? Đối với địa bàn mới, tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo cho thấy các tín hiệu thị trường đều rất tốt dù điều kiện thời tiết cuối năm không thực sự thuận lợi và Công ty vẫn đang phải sử dụng cảng thuê của bộ đội biên phòng Sóc Trăng.



Với những thuận lợi và khó khăn trên, Công ty đã kết thúc một năm hoạt động với kết quả ít nhiều có sự suy giảm so với năm trước. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty nhận thấy các mặt hoạt động nội tại và hoạt động kinh doanh chính của SKG vẫn đang được thực hiện đúng với kế hoạch, phù hợp với những chuyển biến của thị trường, xu hướng phát triển của ngành; qua đó, góp phần giữ vững được các giá trị cốt lõi mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc luôn cố gắng mang lại cho cổ đông; từ đó, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế chung của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.



## ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hết mình trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó. HĐQT đánh giá cao những nỗ lực và quyết tâm của tất cả thành viên trong việc điều hành Công ty. Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những tham mưu tốt cho HĐQT trong các công tác tổ chức nhân sự, quản trị, công tác đầu tư, quản lý tài chính thông qua những giải pháp điều hành các mặt của hoạt động kinh doanh thường niên, đảm bảo được sự phù hợp và kịp thời; từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho toàn thể nhân viên cống hiến hết mình trong công việc.

Mặc dù, doanh thu tăng trưởng hơn 12%, song vẫn còn tồn tại những thiếu sót và kết quả lợi nhuận sau thuế cuối cùng cho thấy chỉ tiêu này có sự suy giảm so với cùng kỳ, chỉ đạt gần bằng kế hoạch được đề ra nhưng Hội đồng quản trị thực sự ghi nhận những giá trị mà các thành viên Ban Điều hành đã cống hiến cho Công ty trong năm 2017, hy vọng rằng trong thời gian tới, với việc triển khai nhiều chiến lược kinh doanh mới sẽ làm hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự cải thiện và lấy lại được đà tăng trưởng.





## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Du lịch biển đảo và nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa từ đất liền tới các đảo du lịch sẽ tiếp tục đà tăng trưởng trong thời gian tới. Với xu hướng đó, SKG sẽ tiếp tục tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực kinh doanh truyền thống tại thị trường Kiên Giang và các địa bàn mới (Sóc Trăng, Côn Đảo, Phan Thiết). Trong năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục duy trì, củng cố vị trí đứng đầu tại các tuyến Rạch Giá – Phú Quốc, Hà Tiên – Phú Quốc và Rạch Giá – Nam Du; đồng thời, quyết tâm khai thác tốt tuyến tàu cao tốc mới Sóc Trăng – Côn Đảo, Phan Thiết – Phú Quý và tuyến phà Hà Tiên – Phú Quốc. Công ty sẽ tiếp tục xem xét đầu tư vào các lĩnh vực có liên quan nhằm hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính để có thể tối ưu hóa lợi nhuận, củng cố vị thế đầu ngành và tạo rào cản kỹ thuật đối với các đối thủ.

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	KH 2018/ TH 2017
Vốn điều lệ (đồng)	479.794.370.000	575.753.240.000	120,00%
Doanh thu thuần (đồng)	401.528.755.081	443.847.138.472	110,54%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	172.872.162.878	162.534.674.701	94,02%
Cổ tức (%)	35%	25%	71,43%

(\*) Mức cổ tức này được chi trả theo kết quả phân phối lợi nhuận được ĐHQĐ Công ty thông qua cho năm tài chính 2017 và dự kiến kế hoạch cho năm tài chính 2018.

Năm 2018, Công ty đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững thị phần tại thị trường truyền thống cho lĩnh vực vận tải hành khách và hàng hóa. Bên cạnh đó, tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo được kỳ vọng sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt; từ đó, góp phần tác động tích cực đến tổng doanh thu của Công ty. Tuyến Phan Thiết – Phú Quý, phà Rạch Giá – Phú Quốc sẽ khai trương trong Quý II hoặc Quý III năm 2018 cũng sẽ ít nhiều tạo nên những chuyển biến trong tình hình kinh doanh; tuy nhiên, với thời gian khai thác ngắn cộng với việc Công ty phải chịu nhiều chi phí marketing để giới thiệu tuyến và dịch vụ mới trong khi đó khách hàng lại cần thời gian để có thể làm quen với thương hiệu và loại hình dịch vụ này nên sẽ có độ trễ cho hiệu quả kinh doanh đối với các hình thức mới bổ sung nêu trên. Năm 2018 có thể nói sẽ là một năm bản lề khi Công ty tiếp tục tập trung chủ yếu vào hoạt động đầu tư mở rộng, trong tương lai khi hoạt động kinh doanh tại các địa bàn mới ổn định, Phú Quốc trở thành đặc khu kinh tế, SKG sẽ lấy lại đà tăng trưởng mạnh mẽ như kỳ vọng Quý cổ đông và nhà đầu tư dành cho Công ty trong suốt thời gian qua.



# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





## Mục tiêu

### Về hoạt động kinh doanh

- Không ngừng hoàn thiện, đổi mới, đảm bảo cung cấp đến khách hàng những dịch vụ thực sự chất lượng.
- Đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho toàn thể nhân viên Công ty và gia tăng quyền lợi của cổ đông.
- Tiếp tục duy trì, giữ vững sự minh bạch trong công tác công bố thông tin, tuân thủ các quy định hiện hành về quản trị và nghĩa vụ của công ty đại chúng.
- Góp phần phát triển kinh tế, du lịch địa phương, qua đó làm tăng ngân sách Nhà nước, tạo thêm việc làm cho nhân dân địa phương.

### Về môi trường

- Giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường, đặc biệt là môi trường biển.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm.
- Ưu tiên lựa chọn những công nghệ thân thiện với môi trường.

### Về xã hội

- Tạo ra việc làm cho người lao động tại các địa bàn hoạt động như: Kiên Giang, Sóc Trăng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận...
- Đảm bảo cho người lao động có được môi trường làm việc an toàn, khỏe mạnh, có được tinh thần thoải mái sau một ngày làm việc.
- Tạo điều kiện khuyến khích nhân viên thể hiện năng lực trong công việc, qua đó phát hiện đào tạo, bồi dưỡng để chuẩn bị cho nguồn nhân lực kế cận góp phần thực hiện mục tiêu hoạt động mà Công ty đang theo đuổi.
- Công ty luôn tự ý thức trách nhiệm của mình đối với xã hội. Tích cực tạo điều kiện, ủng hộ việc thực hiện các chương trình xã hội.

## Hành động

Những năm qua, Công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Năm 2017, dù kết quả kinh doanh có sự giảm sút nhưng các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó luôn được Ban Điều hành Công ty triển khai và cố gắng hoàn thành tốt, việc trả cổ tức mỗi năm đều được xem xét trên tình thần vì sự phát triển trong tương lai của Công ty và trên hết là hướng đến gia tăng lợi ích cho cổ đông.

Cho đến nay những thành công mà Công ty gặt hái được đều do các chiến lược kinh doanh phù hợp, nắm bắt được nhu cầu kịp thời và đón đầu xu hướng, duy trì sự ổn định về chất lượng phục vụ, đội ngũ nhân viên và thuyền viên năng động, chuyên nghiệp; cũng như không ngừng gia tăng các tiện ích trên tàu, đảm bảo sự chăm sóc tận tình đến khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty; đồng thời, chú trọng triển khai các dịch vụ có liên quan như dịch vụ trung chuyển, lưu trú, bến bãi, nhà chờ nhằm mang tới cho khách hàng những gói dịch vụ tốt và tiện lợi nhất.

### Đối tượng/Chỉ tiêu

### Giá trị mang lại trong năm 2017

Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 401,5 tỷ đồng, LNST: 172,9 tỷ đồng.
Cổ đông	Cổ tức năm 2017: 50%, trong đó 40% bằng CP, 10% bằng tiền mặt.
Nhà nước	Thuế đóng góp trong năm 2017: 77,6 tỷ đồng.
Người lao động	Lương bình quân: 8.617.337 đồng/người/tháng.



## Môi trường

Với việc tiếp tục duy trì hoạt động vận chuyển hành khách bằng tàu cao tốc, dầu DO vẫn là nhiên liệu đầu vào quan trọng cho hoạt động của SKG. Việc sử dụng loại nhiên liệu này sẽ có một số tác động đến môi trường tự nhiên, do đó Công ty đã, đang áp dụng các biện pháp hợp lý để giảm thiểu tác động:

### ***Tiết kiệm, sử dụng hiệu quả***

Các tàu của Công ty đều được đóng tại các công ty uy tín, có sự đảm bảo về chất lượng, với công nghệ tiên tiến và ngày càng có sự tiến bộ về mức độ thân thiện với môi trường khi được cấp chứng nhận giảm phát thải (CER) đối với bộ phận máy chính vận hành tàu.

Loại tàu mà Công ty đang sử dụng có ưu thế hơn trong việc tiêu hao nhiên liệu; đồng thời, với thiết kế phù hợp đặc tính sóng và gió tại địa bàn hoạt động nên tàu sẽ di chuyển được tốc độ nhanh với mức nhiên liệu hợp lý.

Các kế hoạch kinh doanh của Công ty đều được khảo sát thận trọng để đưa vào khai thác đúng thời điểm, việc bố trí giờ khởi hành khoa học cũng góp phần tránh lãng phí từ việc tàu chạy trống tải hoặc quá ít hành khách.

Tại khối văn phòng, năng lượng điện và nước được sử dụng với mức độ hợp lý, không gây lãng phí, các dụng cụ văn phòng phẩm được sử dụng và tái sử dụng.

### ***Thu gom rác thải, chất thải nhiên liệu***

Giấy và các loại văn phòng phẩm sau khi sử dụng không còn khả năng tái sử dụng sẽ được thu gom để riêng nhằm giúp đơn vị xử lý rác thải tại khu vực dễ dàng phân loại.

Tại phòng bán vé và trên các tàu cao tốc, Công ty bố trí bảng quy định về rác thải cũng như hướng dẫn cụ thể nơi gom rác, bố trí các thùng chứa rác khác nhau cho từng loại rác với mục đích hạn chế tối đa rác thải trên biển từ việc xả rác bừa bãi. Rác thải sau khi thu gom sẽ được phân loại theo những tiêu chí nhất định để mang đi xử lý đúng quy định.

Chất thải nhiên liệu được thu gom tập trung để xử lý theo quy định.

### ***Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường***

Toàn bộ tàu của Công ty đều đáp ứng tiêu chuẩn không gây ô nhiễm môi trường và được cơ quan đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, xác nhận.

Đến nay, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ và các quy định về môi trường.

## **Xã hội**

### ***Đối với người lao động***

Đồng hành cùng sự phát triển của Công ty, đội ngũ nhân viên và thuyền viên hiện nay đã tăng lên nhiều so với thời điểm những năm đầu hoạt động. Công ty cam kết thực hiện đúng các thỏa ước lao động với nhân viên của mình, đảm bảo các quyền lợi hợp pháp và xây dựng môi trường làm việc cạnh tranh, lành mạnh. Mức lương trung bình hiện nay tại Công ty trong năm qua là 8,6 triệu đồng/người/tháng, dự kiến năm 2018 sẽ tiếp tục có sự tăng trưởng. Năm qua, toàn bộ nhân viên Công ty đều được khám sức khỏe định kỳ và sẽ duy trì đều đặn trong thời gian tới. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa học đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng phục vụ nhằm phục vụ tốt hơn cho khách hàng như đã đề cập ở phần chính sách nhân sự.

### ***Đối với khách hàng***

Tuyệt đối đảm bảo an toàn cho khách hàng trên từng chuyến tàu, Công ty sẽ không cho khởi hành tàu khi điều kiện thời tiết không bảo đảm. Vấn đề an toàn trong suốt chuyến hành trình được đặt lên trên hết. Thiết bị cứu hộ, cứu nạn của tàu luôn đạt tiêu chuẩn và được định kỳ kiểm tra, đánh giá để có kế hoạch thay thế, bổ sung kịp thời. Tất cả thuyền viên đều đáp ứng các yêu cầu về kỹ năng cứu hộ, cứu nạn theo quy định về an toàn hàng hải.

Hiện với đội tàu đang hoạt động gồm 14 chiếc và 01 phà phục vụ tại 04 tuyến chính, Công ty có thể đảm bảo hoạt động của các tàu đều thực sự linh hoạt, đúng giờ và không bị quá tải nhằm khẳng định chất lượng dịch vụ, bảo vệ an toàn cho hành khách. Trong năm 2018, Công ty sẽ đưa vào hoạt động phà Superdong PII tại tuyến Hà Tiên – Phú Quốc, khai trương dịch vụ mới phà cao tốc tuyến Rạch Giá – Phú Quốc và tuyến mới Phan Thiết – Phú Quý.

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động nghiên cứu thị trường để đưa ra các dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng, tiếp thu ý kiến đóng góp từ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ ngày càng tốt hơn.

### ***Đối với cộng đồng***

Với mong muốn tham gia đóng góp cho các chương trình mang nhiều ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội, Công ty sẽ tiếp tục có sự phối hợp với các đơn vị có chuyên môn nhằm ủng hộ, vận động kinh phí giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình xây dựng cộng đồng có tính hiệu quả lâu dài, đặc biệt là tại địa bàn tỉnh Kiên Giang.



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Hoạt động của Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với quy mô hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	13	100%
2	Bà Quách Hồng	Thành viên	13	100%
3	Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	13	100%
4	Ông Ting Chek Hua	Thành viên	13	100%
5	Ông Puan Chiong	Thành viên	13	100%
6	Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	13	100%
7	Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	12	92%
8	Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	13	100%

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đặc biệt là việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển theo đúng định hướng, mục tiêu đã đề ra.

### Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	07/02/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua dự án đầu tư Bến tàu Trần Đề (Sóc Trăng);</li> <li>• Hội đồng quản trị ủy quyền cho Ban Tổng Giám đốc chủ động thực hiện đầu tư theo tiến độ của dự án Bến tàu Trần Đề (Sóc Trăng);</li> <li>• Thông qua việc đầu tư phà Superdong PII cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc;</li> <li>• Thông qua việc chọn công ty đóng phà Superdong PII cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc.</li> </ul>
2	02/2017/NQ-HĐQT	03/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc đóng tàu tốc Superdong Côn Đảo II cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;</li> <li>• Thông qua việc chọn Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị thực hiện đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;</li> <li>• Đính chính thông số công suất máy chính của phà Superdong PII cho tuyến Hà Tiên – Phú Quốc tại Điều 3.3.4 của Nghị quyết HĐQT số 01/2017/NQ-HĐQT ngày 07/02/2017;</li> <li>• Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.</li> </ul>
3	03/2017/NQ-HĐQT	27/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo.</li> </ul>
4	04/2017/NQ-HĐQT	05/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Sóc Trăng.</li> </ul>





STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
5	05/2017/NQ-HĐQT	07/04/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thông qua Báo cáo thường niên 2016;</li><li>• Thông qua thời gian, địa điểm họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;</li><li>• Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.</li></ul>
6	06A/2017/NQ-HĐQT	16/05/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thông qua việc tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 40% và bằng tiền với tỷ lệ 10% theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.</li></ul>
7	06B/2017/NQ-HĐQT	16/05/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát 2017.</li></ul>
8	07/2017/NQ-HĐQT	10/06/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thông qua việc đầu tư xe trung chuyển hành khách cho tuyến Sóc Trăng – Côn Đảo;</li><li>• Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Côn Đảo;</li><li>• Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện soát xét BCTC bán niên và kiểm toán BCTC năm 2017.</li></ul>
9	08/2017/NQ-HĐQT	17/07/2017	<ul style="list-style-type: none"><li>• Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đối với 13.708.195 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016;</li><li>• Sửa đổi khoản 1 điều 5 Điều lệ Công ty về mức vốn điều lệ công ty phù hợp với mức vốn sau khi phát hành 13.708.195 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016;</li><li>• Đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phù hợp với mức vốn điều lệ mới của Công ty.</li></ul>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
10	09/2017/NQ-HĐQT	19/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua chủ trương đầu tư dự án tàu cao tốc tuyến Phan Thiết – Phú Quý;</li> <li>Thông qua việc đầu tư dự án phà tuyến Rạch Giá – Phú Quốc.</li> </ul>
11	10/2017/NQ-HĐQT	20/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc đóng 02 tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý;</li> <li>Thông qua việc lựa chọn Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD là đơn vị thực hiện đóng 02 tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý.</li> </ul>
12	11/2017/NQ-HĐQT	10/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua nội dung cơ bản của Hợp đồng đóng 02 tàu cao tốc cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý.</li> </ul>
13	12/2017/NQ-HĐQT	30/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc đầu tư khách sạn Côn Đảo;</li> <li>Thông qua việc mở chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Phú Quý.</li> </ul>
14	13/2017/NQ-HĐQT	21/11/2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông qua việc tham gia đấu giá quyền sử dụng tại khu phố 1, phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang;</li> <li>HĐQT ủy quyền cho Ban TGD chủ động thực hiện việc tham gia đấu giá và quyết định mức giá phù hợp căn cứ tình hình thực tế trên cơ sở đảm bảo quyền lợi tối đa cho Công ty; Ban TGD có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai cho Hội đồng Quản trị theo định kỳ hoặc theo yêu cầu.</li> </ul>

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Lê Vũ Nam – thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, tiếp tục góp phần giúp HĐQT giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, Ông Nam đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

### Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Hiện nay, các thành viên HĐQT của Công ty đều có nhiều năm kinh nghiệm về quản trị doanh nghiệp cả trong và ngoài nước (xem chi tiết tại phần sơ yếu lý lịch). Tuy nhiên, vì các TV HĐQT hiện nay đang sinh sống tại nhiều địa điểm khác nhau, đồng thời số lượng lớp học về quản trị công ty do UBCKNN tổ chức còn khá ít nên các thành viên chưa thể tham gia các lớp học để lấy chứng chỉ về quản trị công ty.



## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	04	100%
2	Ông Lương Văn Hồng	Thành viên	04	100%
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	04	100%

Trong năm 2017, BKS đã tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT, xem xét, rà soát các Nghị Quyết do HĐQT ban hành nhằm kiểm tra tính hợp pháp và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Nhằm đảm bảo Công ty luôn hoạt động hiệu quả, đem lại nhiều lợi ích hơn nữa cho cổ đông, BKS đã nghiêm túc thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trong việc giám sát các mục tiêu và hoạt động mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; giám sát việc chi trả cổ tức năm 2016 và đăng ký lưu ký, niêm yết bổ sung cổ phiếu cũng như tiến độ triển khai các dự án, kế hoạch kinh doanh.





# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tổng Lương	Tổng Thưởng	Tổng thu nhập
<b>Hội đồng quản trị</b>						
1	Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	252.000.000	227.520.000	48.594.000	528.114.000
2	Puan Kwong Siing	TV HĐQT	108.000.000	480.000.000	104.000.000	692.000.000
3	Ting Chek Hua	TV HĐQT	108.000.000	-	-	108.000.000
4	Puan Chiong	TV HĐQT	108.000.000	-	-	108.000.000
5	Quách Hồng	TV HĐQT	180.000.000	-	-	180.000.000
6	Lê Vũ Nam	TV HĐQT	180.000.000	-	-	180.000.000
7	Nguyễn Thị Hoa Lệ	TV HĐQT	108.000.000	-	-	108.000.000
8	Đặng Thị Ngọc Bích	TV HĐQT	108.000.000	199.392.000	54.832.800	362.224.800
<b>Tổng</b>			<b>1.152.000.000</b>	<b>906.912.000</b>	<b>207.426.800</b>	<b>2.266.338.800</b>
<b>Ban Kiểm soát</b>						
1	Trương Hữu Lộc	Trưởng BKS	90.000.000	-	-	90.000.000
2	Nguyễn Thị Ngọc Nhung	TV BKS	90.000.000	306.720.000	66.456.000	463.176.000
3	Lượng Văn Hồng	TV BKS	54.000.000	-	-	54.000.000
<b>Tổng</b>			<b>234.000.000</b>	<b>306.720.000</b>	<b>66.456.000</b>	<b>607.176.000</b>
<b>Ban Điều hành</b>						
1	Puan Kwong Siing	TGD	NT	NT	NT	NT
2	Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó TGD	-	375.360.000	81.328.000	456.688.000
3	Lưu Hải Anh	KTT	-	290.250.000	69.940.000	360.190.000
<b>Tổng</b>			<b>-</b>	<b>665.610.000</b>	<b>151.268.000</b>	<b>816.878.000</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.386.000.000</b>	<b>1.879.242.000</b>	<b>425.150.800</b>	<b>3.690.392.800</b>



## Hợp đồng và các giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Họ và tên (Cá nhân/Tổ chức)	Chức vụ/Mối quan hệ với Công ty	Giá trị HĐ	Mục đích hợp đồng	Thông qua HĐ/GD	Tình trạng HĐ/GD
1	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	Ông Puan Chiong và Ông Puan Kwong Siing – là TVHĐQT của Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	2,0 triệu USD	Đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo I	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác
2	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	Ông Puan Chiong và Ông Puan Kwong Siing – là TVHĐQT của Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	2,0 triệu USD	Đóng tàu cao tốc Superdong Côn Đảo II	Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành và đưa vào khai thác
3	Công ty Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	Ông Puan Chiong và Ông Puan Kwong Siing – là TVHĐQT của Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD	4,4 triệu USD	Đóng 02 tàu cao tốc Superdong cho tuyến Phan Thiết – Phú Quý	Hội đồng quản trị	Đang thực hiện. Dự kiến đưa vào hoạt động vào Quý II năm 2018 và Quý I năm 2019
4	Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch HĐQT	10.000.000 VNĐ/tháng	Thuê văn phòng Hà Tiên	Hội đồng quản trị	Thời hạn đến năm 2020



Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
<b>Thành viên HĐQT và người có liên quan</b>						
<b>1. Hà Nguyệt Nhi</b>	CT HĐQT	1.138.728	3,32%	1.294.218	2,70%	Nhận cổ tức năm 2016 và bán cổ phiếu
<i>Vương Lục Muội</i>	<i>Mẹ</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Hà Vĩ Bân</i>	<i>Anh trai</i>	18.690	0,01%	26.166	0,06%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>2. Quách Hồng</b>	TV HĐQT	2.348.351	6,85%	3.287.690	6,85%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Tăng Quảng</i>	<i>Chồng</i>	1.649.999	4,82%	1.709.998	3,56%	Nhận cổ tức năm 2016 và bán cổ phiếu
<b>3. Nguyễn Thị Hoa Lệ</b>	TV HĐQT	346.325	1,01%	484.855	1,01%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>CTCP Du lịch Hòa Bình Việt Nam</i>	<i>Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ là CT HĐQT kiêm TGD</i>	1.117.653	3,26%	1.564.714	3,26%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>4. Đặng Thị Ngọc Bích</b>	TV HĐQT	32.690	0,10%	45.766	0,10%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Huyền Đặng Ngọc Tâm</i>	<i>Em gái</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>5. Puan Kwong Siing</b>	TV HĐQT	7.380.280	21,54%	8.732.392	18,20%	Nhận cổ tức năm 2016 và bán cổ phiếu
<i>Puan Chiong</i>	<i>Anh trai</i>	1.664.003	4,86%	2.329.603	4,86%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Puan Kiong Sii</i>	<i>Anh trai</i>	855.738	2,50%	1.198.033	2,50%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD</b>	<i>Tổ chức có liên quan</i>	0	0,00%	548.600	1,14%	Mua cổ phiếu
<b>6. Puan Chiong</b>	TV HĐQT	nt	nt	nt	nt	nt
<i>Puan Kwong Siing</i>	<i>Em trai</i>	nt	nt	nt	nt	nt
<i>Puan Kiong Sii</i>	<i>Anh trai</i>	nt	nt	nt	nt	nt
<b>Kaibouk Shipyard (M) SDN.BHD</b>	<i>Tổ chức có liên quan</i>	nt	nt	nt	nt	nt
<b>7. Ting Chek Hua</b>	TV HĐQT	614.500	1,79%	0	0,00%	Bán cổ phiếu
<i>Nguyễn Thị Thiên Hương</i>	<i>Vợ</i>	3.842.534	11,21%	5.379.547	11,21%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>8. Lê Vũ Nam</b>	TV HĐQT	14.000	0,04%	19.600	0,04%	Nhận cổ tức năm 2016

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
<b>Thành viên BKS và người có liên quan</b>						
<b>1. Trương Hữu Lộc</b>	Trưởng BKS	7.840	0,02%	10.976	0,02%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>2. Lượng Văn Hồng</b>	TV BKS	11.687	0,03%	161	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016 và bán cổ phiếu
<i>Trương Thị Kim Oanh</i>	<i>Vợ</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>3. Nguyễn Thị Ngọc Nhung</b>	TV BKS	8.033	0,02%	11.246	0,02%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Âu Chí Toàn</i>	<i>Chồng</i>	10.652	0,03%	4.912	0,01%	Nhận cổ tức năm 2016 và bán cổ phiếu
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan</b>						
<b>1. Puan Kwong Siing</b>	TV HĐQT kiêm TGD Đã khai tại mục Thành viên HĐQT và người có liên quan					
<b>2. Nguyễn Thị Kim Hồng</b>	Phó TGD	9.091	0,03%	25.077	0,05%	Nhận cổ tức năm 2016 và mua cổ phiếu
<i>Nguyễn Văn Bót</i>	<i>Cha</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Nguyễn Thị Ngọc Thảo</i>	<i>Mẹ</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Võ Quang Lộc</i>	<i>Chồng</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Nguyễn Thanh Phong</i>	<i>Em trai</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<b>Kế toán trưởng và người có liên quan</b>						
<b>1. Lưu Hải Anh</b>	KTT	7.144	0,02%	3.081	0,01%	Nhận cổ tức năm 2016 và bán cổ phiếu
<i>Lưu Hải Giang</i>	<i>Em gái</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016
<i>Trần Thái Quang</i>	<i>Chồng</i>	193	0,00%	270	0,00%	Nhận cổ tức năm 2016

### Việc thực hiện quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt để áp dụng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động. Dù vậy, năm qua SKG cũng đã có sự thiếu sót khi chậm công bố thông tin quyết định truy thu và xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Đối với vấn đề này, Công ty đã nghiêm túc nhìn nhận lại vấn đề để rút kinh nghiệm; đồng thời, kịp thời giải trình và cập nhật tình hình mới nhất bằng các thông báo đến cổ đông và cơ quan ban ngành. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc vẫn luôn nỗ lực hết mình làm việc với cơ quan thuế và sẽ tiếp tục cập nhật tình hình để cổ đông nắm rõ. Công ty cam kết sẽ tôn trọng và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quan điểm và quyền lợi chính đáng của mình.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2017







## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang là doanh nghiệp có vốn nước ngoài hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003, chứng nhận lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và chứng nhận thay đổi lần thứ 12 ngày 31 tháng 10 năm 2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700556108, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 11 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 27 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.
- Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết ngày 08 tháng 7 năm 2014 trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 185/QĐ-SGDHCM ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SKG.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại : (84-297) 3.980.111
- Fax : (84-297) 3.846.180

### **Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104 tờ bản đồ số 47, ấp Dấu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quý	Số 535 Trần Hưng Đạo, phường Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Côn Đảo	Đường Nguyễn Văn Linh, Khu 7, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đầu tư là:

- Vận tải hành khách ven biển;
- Vận tải hàng hóa ven biển;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hành khách đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi. Kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoàn cải, sửa chữa tàu biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Kinh doanh khai thác cảng thủy nội địa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Kinh doanh khai thác cảng biển;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Hà Nguyệt Nhi	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2014
Ông Puan Kwong Siing	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Ting Chek Hua	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2018
Ông Puan Chiong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Quách Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Đặng Thị Ngọc Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2013

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Hữu Lộc	Trưởng ban	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Ngọc Nhung	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Lương Văn Hồng	Thành viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Puan Kwong Siing	Tổng Giám đốc	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 5 năm 2016

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Hà Nguyệt Nhi - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2014).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và đo đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ký thay Ban Tổng Giám đốc,



**Hà Nguyệt Nhi**  
Chủ tịch HĐQT

Ngày 26 tháng 3 năm 2018



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phung II Urban Area,  
Phước Hải Ward, Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 1.0517/18/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1182-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>341.225.710.183</b>	<b>381.708.847.970</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>12.872.290.075</b>	<b>8.653.680.105</b>
1. Tiền	111		11.872.290.075	6.653.680.105
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>210.200.000.000</b>	<b>328.100.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	210.200.000.000	328.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>94.989.855.451</b>	<b>27.349.471.314</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	2.190.263.700	579.694.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	91.358.160.920	26.173.475.300
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	1.441.430.831	596.302.014
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>19.215.063.551</b>	<b>10.367.631.167</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	19.215.063.551	10.367.631.167
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.948.501.106</b>	<b>7.238.065.384</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	3.948.310.454	2.076.435.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	5.161.630.051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	190.652	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>484.469.384.670</b>	<b>333.087.338.756</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.502.500.000</b>	<b>2.902.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.502.500.000	2.902.500.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>444.311.464.991</b>	<b>328.963.449.341</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	435.976.759.327	320.391.740.341
- Nguyên giá	222		567.778.666.275	419.760.734.396
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(131.801.906.948)	(99.368.994.055)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	8.334.705.664	8.571.709.000
- Nguyên giá	228		8.807.253.481	8.807.253.481
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(472.547.817)	(235.544.481)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>23.054.860.859</b>	<b>592.834.181</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	23.054.860.859	592.834.181
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.600.558.820</b>	<b>628.555.234</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.600.558.820	628.555.234
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>825.695.094.853</b>	<b>714.796.186.726</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>20.968.898.389</b>	<b>48.670.911.140</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20.968.898.389</b>	<b>48.670.911.140</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	4.423.308.974	1.418.317.674
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	3.986.132.500	1.692.385.700
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4.492.066.580	39.427.468.987
4. Phải trả người lao động	314	V.14	6.565.120.875	4.807.751.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	546.266.888	368.985.207
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		956.002.572	956.002.572
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>804.726.196.464</b>	<b>666.125.275.586</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>804.726.196.464</b>	<b>666.125.275.586</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	479.794.370.000	342.712.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		479.794.370.000	342.712.420.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	11.469.923.636	11.469.923.636
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	9.325.309.715	9.325.309.715
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.16	3.108.436.572	3.108.436.572
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	301.028.156.541	299.509.185.663
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		128.155.993.663	299.509.185.663
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		172.872.162.878	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>825.695.094.853</b>	<b>714.796.186.726</b>

  
 Lâm Thị Ngọc Thương  
 Người lập

  
 Lưu Hải Anh  
 Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018

  
 Hà Nguyệt Như  
 Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	401.528.755.081	358.427.529.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.713.818.391
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		401.528.755.081	355.713.711.126
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	169.492.320.030	113.654.409.757
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		232.036.435.051	242.059.301.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20.032.924.229	12.831.510.734
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	124.963.309	65.790.516
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	37.059.041.655	27.401.678.238
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.624.298.952	7.764.181.144
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		204.261.055.364	219.659.162.205
11. Thu nhập khác	31	VI.7	743.516.697	621.551.232
12. Chi phí khác	32	VI.8	21.121.966.732	7.405.969
13. Lợi nhuận khác	40		(20.378.450.035)	614.145.263
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		183.882.605.329	220.273.307.468
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	11.010.442.451	7.360.439.904
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		172.872.162.878	212.912.867.564
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.603	4.438
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.603	4.438

Kiên Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018



Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập



Lưu Hải Anh  
Kế toán trưởng



Hà Nguyệt Nhi  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIẾN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		183.882.605.329	220.273.307.468
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	32.669.916.229	23.822.408.748
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(2.089.313)	7.312.946
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(19.976.381.931)	(12.781.069.327)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		196.574.050.314	231.321.959.835
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.803.092.538)	(6.211.346.365)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.847.432.384)	(2.094.975.189)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.713.136.531	(1.088.544.456)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(7.843.878.707)	(1.077.791.701)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(48.425.178.573)	(7.253.219.521)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>135.367.604.643</b>	<b>213.596.082.603</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.10, VII	(234.755.810.757)	(110.273.675.899)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(192.000.000.000)	(377.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	309.900.000.000	259.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	19.976.381.931	13.702.554.160
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(96.879.428.826)</b>	<b>(214.671.121.739)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Có lãi, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, V.16	(34.269.961.550)	(24.478.864.150)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(34.269.961.550)</u>	<u>(24.478.864.150)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.218.214.267	(25.553.903.286)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	8.653.680.105	34.212.003.296
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		395.703	(4.419.905)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>12.872.290.075</u>	<u>8.653.680.105</u>

Kiên Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018


Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập

Lưu Hải Anh  
Kế toán trưởngHà Nguyễn Nhi  
Chủ tịch HĐQT

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách và hàng hóa ven biển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã đầu tư mua thêm tàu Superdong Côn Đảo 1, Superdong Côn Đảo 2 và phà Superdong PI với giá trị hơn 143 tỷ VND. Với việc mua sắm thêm tàu mới sẽ tăng cường khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu vận chuyển trong thời gian tới.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Sóc Trăng	Thửa đất số 102, 103, 104 tờ bản đồ số 47, ấp Đầu Giồng, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Phú Quý	Số 535 Trần Hưng Đạo, phường Lạc Đạo, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang - Chi nhánh Côn Đảo	Đường Nguyễn Văn Linh, Khu 7, thị trấn Côn Đảo, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 295 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 209 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho chỉ bao gồm nguyên vật liệu và hàng hóa.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng, chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm và công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### ***Chi phí dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng***

Các chi phí liên quan đến dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng sẽ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng khi dự án đi vào hoạt động với thời gian phân bổ không quá 50 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

##### ***Chi phí bảo hiểm***

Chi phí bảo hiểm đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 01 năm.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Tài sản cố định hữu hình khác	05

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

##### *Tài sản cố định vô hình khác*

Tài sản cố định vô hình khác là các chi phí thiết kế kỹ thuật được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIẾN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### **16. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

#### 20. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**Công cụ vốn chủ sở hữu**

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.149.424.200	1.082.311.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.722.865.875	5.571.368.205
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	1.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.872.290.075</u></b>	<b><u>8.653.680.105</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
<i>Ngắn hạn</i>				
Tiền gửi có kỳ hạn	210.200.000.000	210.200.000.000	328.100.000.000	328.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>210.200.000.000</u></b>	<b><u>210.200.000.000</u></b>	<b><u>328.100.000.000</u></b>	<b><u>328.100.000.000</u></b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu tiền bán vé của các khách hàng trong nước.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<b><i>44.759.259.000</i></b>	<b><i>9.099.200.000</i></b>
Kaibuok Shipyard (M) Sdn. Bhd	44.759.259.000	9.099.200.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<b><i>46.598.901.920</i></b>	<b><i>17.074.275.300</i></b>
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn	17.034.754.000	16.899.706.000
Phòng Tài chính - Kế hoạch Thị xã Hà Tiên	21.350.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	8.214.147.920	174.569.300
<b>Cộng</b>	<b><u>91.358.160.920</u></b>	<b><u>26.173.475.300</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	603.038.897	-	426.659.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	838.391.934	-	169.643.014	-
<b>Cộng</b>	<b>1.441.430.831</b>	<b>-</b>	<b>596.302.014</b>	<b>-</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	1.565.000.000	-	215.000.000	-
Ứng trước vốn xây dựng cầu cảng của Ban quản lý bến xe tàu Hà Tiên	8.937.500.000	-	2.687.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.502.500.000</b>	<b>-</b>	<b>2.902.500.000</b>	<b>-</b>

Công ty không có nợ phải thu quá hạn, nợ xấu.

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phụ tùng	17.588.440.295	-	9.625.972.069	-
Dầu DO	1.325.261.558	-	487.678.171	-
Nhiên liệu	74.190.727	-	98.850.000	-
Vật liệu	227.170.971	-	155.130.927	-
<b>Cộng</b>	<b>19.215.063.551</b>	<b>-</b>	<b>10.367.631.167</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	1.004.501.107	763.812.581
Chi phí khuyến mãi	1.109.999.999	-
Chi phí bảo dưỡng	440.131.629	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.393.677.719	1.312.622.752
<b>Cộng</b>	<b>3.948.310.454</b>	<b>2.076.435.333</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	241.977.423	469.812.503
Chi phí sửa chữa	660.681.821	-
Chi phí dự án bến tàu Trần Đề - Sóc Trăng	4.949.715.998	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	748.183.578	158.742.731
<b>Cộng</b>	<b>6.600.558.820</b>	<b>628.555.234</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	3.898.625.100	-	415.169.969.091	575.391.345	116.748.857	419.760.734.396
Mua trong năm	243.212.000	292.500.000	104.846.305.926	-	66.909.050	105.448.927.016
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	42.934.009.863	-	-	42.934.009.863
Giảm do được hoàn lệ phí trước bạ	-	-	(365.005.000)	-	-	(365.005.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.141.837.100</b>	<b>292.500.000</b>	<b>562.885.279.883</b>	<b>575.391.345</b>	<b>183.657.947</b>	<b>567.778.666.275</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	36.949.092	53.560.000	116.748.857	207.257.949
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	451.581.145	-	98.660.675.088	139.988.965	116.748.857	99.368.994.055
Khấu hao trong năm	180.320.816	29.250.000	32.053.048.901	173.943.792	4.460.608	32.441.024.117
Giảm do hoàn lệ phí trước bạ	-	-	(8.111.224)	-	-	(8.111.224)
<b>Số cuối năm</b>	<b>631.901.961</b>	<b>29.250.000</b>	<b>130.705.612.765</b>	<b>313.932.757</b>	<b>121.209.465</b>	<b>131.801.906.948</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	3.447.043.955	-	316.509.294.006	435.402.380	-	320.391.740.341
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.509.935.139</b>	<b>263.250.000</b>	<b>431.879.667.118</b>	<b>261.458.588</b>	<b>62.448.482</b>	<b>435.976.759.327</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	7.126.349.000	816.995.390	863.909.091	8.807.253.481
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.126.349.000</b>	<b>816.995.390</b>	<b>863.909.091</b>	<b>8.807.253.481</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	144.635.390	90.909.091	235.544.481
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	-	144.635.390	90.909.091	235.544.481
Khấu hao trong năm	-	224.120.004	13.883.332	237.003.336
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>368.755.394</b>	<b>103.792.423</b>	<b>472.547.817</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	7.126.349.000	672.360.000	773.000.000	8.571.709.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>7.126.349.000</b>	<b>448.239.996</b>	<b>760.116.668</b>	<b>8.334.705.664</b>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển thanh lý	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	52.246.601.613	(42.934.009.863)	(8.899.091.750)	-	413.500.000
Xây dựng cơ bản dở dang	592.834.181	22.825.799.404	-	-	(777.272.726)	22.641.360.859
Công trình văn phòng Công ty tại tỉnh Kiên Giang	592.834.181	184.438.545	-	-	(777.272.726)	-
Công trình bến tàu Trồn Đẽ - Sóc Trăng	-	22.641.360.859	-	-	-	22.641.360.859
<b>Cộng</b>	<b>592.834.181</b>	<b>75.072.401.017</b>	<b>(42.934.009.863)</b>	<b>(8.899.091.750)</b>	<b>(777.272.726)</b>	<b>23.054.860.859</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý Bến cảng Phú Quốc	-	107.170.000
DNTN Xăng dầu Phi Hải	943.650.000	525.000.000
Công ty TNHH Phần mềm BRB	-	253.741.825
Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Biển Xanh	-	146.492.500
Công ty Cổ phần Bê tông IBS	1.882.096.551	-
Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh	533.118.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.064.444.423	385.913.349
<b>Cộng</b>	<b>4.423.308.974</b>	<b>1.418.317.674</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Các khách hàng trong nước trả trước tiền vé.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	15.622.493.947	(14.223.951.674)	1.398.542.273	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.182.618.472	(2.182.618.472)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	9.751.803.899	(9.751.994.551)	-	190.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp <sup>(*)</sup>	39.384.840.040	-	11.010.442.451	(48.425.178.573)	1.970.103.918	-
Thuế thu nhập cá nhân	42.628.947	-	2.017.573.803	(2.014.762.439)	45.440.311	-
Các loại thuế khác	-	-	663.138.346	(663.138.346)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.442.985.078	(365.005.000)	1.077.980.078	-
<b>Cộng</b>	<b>39.427.468.987</b>	<b>-</b>	<b>42.691.055.996</b>	<b>(77.626.649.055)</b>	<b>4.492.066,580</b>	<b>190.652</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu từ các năm trước với số tiền là 37.718.048.536.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Thuế suất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 561023000003 thay đổi lần thứ 12 cấp ngày 31 tháng 10 năm 2014, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% thu nhập chịu thuế trong suốt thời gian thực hiện dự án; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là năm tài chính thứ 09 kể từ năm Công ty hoạt động kinh doanh có lãi. Công ty còn được giảm thuế đến năm 2020 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong I và tàu Superdong II, giảm thuế đến năm 2022 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong III và Superdong IV. Công ty không được hưởng mức thuế suất ưu đãi cho các tàu còn lại, được hưởng ưu đãi về thời gian miễn, giảm thuế. Công ty còn được giảm thuế đến năm 2025 đối với thu nhập chịu thuế của tàu Superdong V và tàu Superdong VI, các tàu còn lại đang được miễn thuế.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	183.882.605.329	220.273.307.468
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.241.838.970	2.178.346.214
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	208.124.444.299	222.451.653.682
- Thu nhập hoạt động kinh doanh được ưu đãi	187.253.931.384	209.056.439.092
- Thu nhập khác	20.870.512.915	13.395.214.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	22.899.495.721	23.584.686.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(11.889.053.270)	(16.224.246.923)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>11.010.442.451</u>	<u>7.360.439.904</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và lương thưởng còn phải trả cho người lao động.

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thù lao Hội đồng quản trị	99.825.000	99.825.000
Cổ tức phải trả	3.805.250	2.524.800
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	442.636.638	266.635.407
Cộng	<u>546.266.888</u>	<u>368.985.207</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀI CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.795.850.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	208.992.473.899	477.691.993.822
Tăng vốn từ lợi nhuận	97.916.570.000	-	-	-	(97.916.570.000)	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	212.912.867.564	212.912.867.564
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.479.585.000)	(24.479.585.000)
Số dư cuối năm trước	<u>342.712.420.000</u>	<u>11.469.923.636</u>	<u>9.325.309.715</u>	<u>3.108.436.572</u>	<u>299.509.185.663</u>	<u>666.125.275.586</u>
Số dư đầu năm nay	342.712.420.000	11.469.923.636	9.325.309.715	3.108.436.572	299.509.185.663	666.125.275.586
Tăng vốn từ lợi nhuận	137.081.950.000	-	-	-	(137.081.950.000)	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	172.872.162.878	172.872.162.878
Chia cổ tức	-	-	-	-	(34.271.242.000)	(34.271.242.000)
Số dư cuối năm nay	<u>479.794.370.000</u>	<u>11.469.923.636</u>	<u>9.325.309.715</u>	<u>3.108.436.572</u>	<u>301.028.156.541</u>	<u>804.726.196.464</u>

**16b. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.979.437	34.271.242
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.979.437	34.271.242
- Cổ phiếu phổ thông	47.979.437	34.271.242
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.979.437	34.271.242
- Cổ phiếu phổ thông	47.979.437	34.271.242
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**16c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 với số tiền chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt là 34.271.242.000 VND và trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 137.084.960.000 VND.

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Ngọai tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 345.49 USD (số đầu năm là 358.48 USD).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	9.631.750.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	391.897.005.081	358.427.529.517
Cộng	<u>401.528.755.081</u>	<u>358.427.529.517</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.366.441.750	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	160.125.878.280	113.654.409.757
<b>Cộng</b>	<b><u>169.492.320.030</u></b>	<b><u>113.654.409.757</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	19.976.381.931	12.781.069.327
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.854.652	29.911.786
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	20.569.003	19.661.421
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.118.643	868.200
<b>Cộng</b>	<b><u>20.032.924.229</u></b>	<b><u>12.831.510.734</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	124.933.979	57.609.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	29.330	8.181.146
<b>Cộng</b>	<b><u>124.963.309</u></b>	<b><u>65.790.516</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	7.154.303.784	5.234.569.760
Chi phí vật liệu, công cụ	3.660.000	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	214.055.666	177.308.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.834.076.556	2.393.069.427
Chi phí khác	25.852.945.649	19.596.730.517
<b>Cộng</b>	<b><u>37.059.041.655</u></b>	<b><u>27.401.678.238</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.708.977.847	2.603.167.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	367.639.056	86.015.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.671.366.643	4.214.582.752
Chi phí khác	1.876.315.406	860.415.587
<b>Cộng</b>	<b><u>10.624.298.952</u></b>	<b><u>7.764.181.144</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc hủy vé	578.805.572	337.430.577
Thu nhập khác	164.711.125	284.120.655
<b>Cộng</b>	<b><u>743.516.697</u></b>	<b><u>621.551.232</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG**

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt và lãi chậm nộp thuế	21.035.266.343	-
Chi phí khác	86.700.389	7.405.969
<b>Cộng</b>	<b>21.121.966.732</b>	<b>7.405.969</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	172.872.162.878	212.912.867.564
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	172.872.162.878	212.912.867.564
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm <sup>(*)</sup>	47.979.437	47.979.437
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.603</b>	<b>4.438</b>

(\*) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34.271.242	24.479.585
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2016 từ lợi nhuận sau thuế	-	9.791.657
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành năm 2017 từ lợi nhuận sau thuế	13.708.195	13.708.195
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>47.979.437</b>	<b>47.979.437</b>

**9b. Thông tin khác**

Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 đã thông qua kế hoạch trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 137.081.950.000 VND tương đương 13.708.195 cổ phiếu. Vì vậy lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.213 VND xuống còn 4.438 VND.

Doanh thu năm 2017 tăng khoảng 12,82%, tương đương tăng khoảng 45,8 tỷ VND so với năm 2016 nhưng các chi phí đầu vào tăng đến 40%, tương đương khoảng 59 tỷ VND so với năm 2016, trong đó bao gồm việc giá dầu tăng 23% so với năm trước, tăng các khoản chi phí khấu hao do trong năm đưa các tàu Superdong 11, 12, tàu Superdong Côn Đảo 1 và tàu phà Superdong PI vào hoạt động, chi phí nhân công cũng gia tăng phục vụ cho các đội ngũ tàu mới. Bên cạnh đó, khoản thuế phạt hành chính và lãi chậm nộp của các khoản thuế truy thu từ 2009-2014 khoảng 21 tỷ VND cũng là nguyên nhân làm cho lợi nhuận sau thuế trong năm 2017 giảm 18% (tương đương 40 tỷ VND) so với năm 2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.573.132.462	45.186.138.715
Chi phí nhân công	37.948.635.977	27.325.487.926
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.669.916.229	23.822.408.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.023.104.776	20.646.771.638
Chi phí khác	40.594.429.443	31.839.462.112
<b>Cộng</b>	<b>207.809.218.887</b>	<b>148.820.269.139</b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ứng trước tiền mua, xây dựng tài sản cố định với số tiền là 90.274.758.200 VND (Số đầu năm là 25.998.906.000 VND).

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.755.302.308 VND (năm trước là 2.389.135.000 VND).

##### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tien Grow Industrial Sdn.Bhd.	Công ty có cùng chủ đầu tư
Kaibuok Shipyard (M) Sdn.Bhd.	Công ty có cùng chủ đầu tư

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Kaibuok Shipyard Sdn.Bhd như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tàu và phụ tùng thay thế	101.107.245.584	141.321.958.562
Trả trước tiền mua tàu	44.759.259.000	9.099.200.000

Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.4.

## 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là vận tải hành khách, hàng hóa ven biển và trong khu vực địa lý là tỉnh Kiên Giang, Sóc Trăng và Bà Rịa - Vũng Tàu.

## 3. Số liệu so sánh

### 3a. Các sai sót

Theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 30 tháng 5 năm 2017 và Phụ lục Biên bản kiểm tra thuế ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thuế huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Công ty không được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ đầu tư mở rộng của các tàu III, IV, V, VI trong thời gian từ năm 2010 đến năm 2014. Chi cục thuế huyện Phú Quốc đã ban hành các Quyết định truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

	Số tiền
Quyết định số 799/QĐ-CCT ngày 06 tháng 6 năm 2017	21.361.358.240
Quyết định số 903/QĐ-CCT ngày 21 tháng 6 năm 2017	16.356.690.296
<b>Cộng</b>	<b>37.718.048.536</b>

### 3b. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.709.420.451	37.718.048.536	39.427.468.987	(i)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	337.227.234.199	(37.718.048.536)	299.509.185.663	(i)

(i) Điều chỉnh hồi tố thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu của các năm trước.

## 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### **4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả người bán	4.423.308.974	-	-	4.423.308.974
Các khoản phải trả khác	546.266.888	-	-	546.266.888
<b>Cộng</b>	<b>4.969.575.862</b>	-	-	<b>4.969.575.862</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả người bán	1.418.317.674	-	-	1.418.317.674
Các khoản phải trả khác	368.985.207	-	-	368.985.207
<b>Cộng</b>	<b>1.787.302.881</b>	-	-	<b>1.787.302.881</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIẾN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Công ty có các khoản tiền và tương đương tiền có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.000.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do số dư tiền gửi có kỳ hạn thấp.

##### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

#### 4d. *Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### 5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.872.290.075	-	8.653.680.105	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	210.200.000.000	-	328.100.000.000	-
Phải thu khách hàng	2.190.263.700	-	579.694.000	-
Các khoản phải thu khác	2.403.391.934	-	384.643.014	-
Cộng	227.665.945.709	-	337.718.017.119	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG - KIÊN GIANG

Địa chỉ: Số 10 đường 30/4 khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### *Nợ phải trả tài chính*

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	4.423.308.974	1.418.317.674
Các khoản phải trả khác	546.266.888	368.985.207
<b>Cộng</b>	<b>4.969.575.862</b>	<b>1.787.302.881</b>

#### *Giá trị hợp lý*

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiên Giang, ngày 10 tháng 3 năm 2018

  
Lâm Thị Ngọc Thương  
Người lập biểu

  
Lưu Hải Anh  
Kế toán trưởng



# CÔNG TY CỔ PHẦN TÀU CAO TỐC SUPERDONG – KIÊN GIANG



*Kiên Giang, ngày 12 tháng 04 năm 2018*  
**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**HÀ NGUYỆT NHI**